



- Yêu cầu người lắp đặt hay nhà thầu có kinh nghiệm để lắp đặt sản phẩm. Không nên lắp đặt mà không có hướng dẫn của nhà sản xuất, lắp đặt bất cẩn sẽ gây rò rỉ môi chất hay nước, chập điện, cháy nổ...
- Sử dụng các phụ tùng, linh kiện được cung cấp hoặc chỉ định bởi Daikin. Yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu có chuyên môn lắp đặt những phụ tùng, linh kiện này. Sử dụng các phụ tùng, linh kiện trái phép hoặc lắp không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
- Đọc kỹ Hướng dẫn sử dụng trước khi dùng sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn cung cấp các chỉ dẫn quan trọng về an toàn cũng như cảnh báo các vấn đề cần lưu ý khi sử dụng. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn và cảnh báo này.

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với nhà nhập khẩu ủy quyền, nhà phân phối hoặc các cửa hàng bán lẻ tại địa phương

Lưu ý về ăn mòn sản phẩm:

1. Máy điều hòa không khí không nên lắp đặt ở khu vực có chất ăn mòn như axit, kiềm.
 2. Trường hợp dàn nóng được lắp đặt gần bờ biển, tránh đặt trực tiếp theo hướng gió biển.
- Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp tại địa phương để được tư vấn khi gặp trường hợp này.

Đại lý phân phối



CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH
Tầng 14-15, tòa nhà Nam Á,
201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 62.504.888 Fax: (08) 62.504.999

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 35.657.677 Fax: (04) 35.657.688

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (031) 383.2900 Fax: (031) 383.2909

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank,
Lô A2.1, Đường 30/4, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 362.4250 Fax: (0511) 362.4251

CHI NHÁNH CẦN THƠ
37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 626.9977 Fax: (0710) 625.8959

www.daikin.com.vn

• Các đặc tính kỹ thuật, kiểu dáng và thông tin trong cuốn sách này có thể thay đổi mà không cần báo trước.

© All rights reserved
Printed in Vietnam 05/16/001 DAV

VN-PCSVN1547R1

Super Inverter

Tiết kiệm năng lượng và Thiết kế nhỏ gọn

SkyAir

Loại một chiều lạnh -50Hz-
Loại hai chiều lạnh/sưởi -50Hz-



R-410A



Có thiết kế nhỏ gọn và khả năng tiết kiệm điện tuyệt vời
Nhiều tiện ích hơn với công nghệ điều hòa không khí tối ưu.

Dãy sản phẩm inverter thế hệ mới
trên thị trường !

SkyAir

Super Inverter

Loại một chiều lạnh



Loại 5.0 - 7.1 kW

Loại 10.0 - 14.0 kW



Tiết kiệm năng lượng

P.3

Dòng sản phẩm mới này được thiết kế theo tiêu chuẩn ISO đối với hệ số hiệu suất lạnh toàn mùa, CSPF. Giảm điện năng tiêu thụ hàng năm, chỉ bằng 50% so với máy điều hòa thông thường. Công nghệ Inverter mới không chỉ giúp giảm điện năng tiêu thụ trong giai đoạn tải thấp mà còn cho ra công suất lạnh cao hơn khi chạy đủ tải.

*CSPF, hệ số hiệu quả lạnh toàn mùa.

Nhỏ gọn

P.4

Với công nghệ trao đổi nhiệt hiệu suất cao và thiết kế hệ thống tối ưu, các dàn nóng này trở nên nhỏ gọn hơn rất nhiều !

Thoải mái

P.5

Cũng như cảm giác thoải mái do công nghệ inverter mang lại, chức năng "Làm lạnh nhanh" giúp giảm nhiệt độ phòng nhanh hơn và hút ẩm không khí.

Các chức năng tiện lợi

P.8

Công nghệ inverter cao cấp của Daikin mang lại nhiều tiện ích khác nhau cho khách hàng.

Thiết kế linh hoạt

P.10

- Có thể điều khiển cơ chế Bật-Tắt bằng lệnh ngoại vi.
- Có khả năng kết nối với hệ thống điều khiển cấp cao mà không cần đến thiết bị tiếp hợp.

Độ bền

P.7

Với cơ chế bảo vệ tự động khi điện áp thấp, hệ thống có thể hoạt động bền và chịu được các dao động điện áp đầu vào.

Tận dụng đường ống hiện hữu

P.9

Việc sử dụng lại đường ống hiện hữu giúp cho việc nâng cấp dàn nóng và dàn lạnh dễ dàng.

Khả năng kiểm soát dòng khí thông minh

P.11

Khả năng kiểm soát dòng khí thông minh giúp cho việc lắp đặt thiết bị linh hoạt theo các điều kiện không khí trong phòng mà không làm giảm đi sự thoải mái.

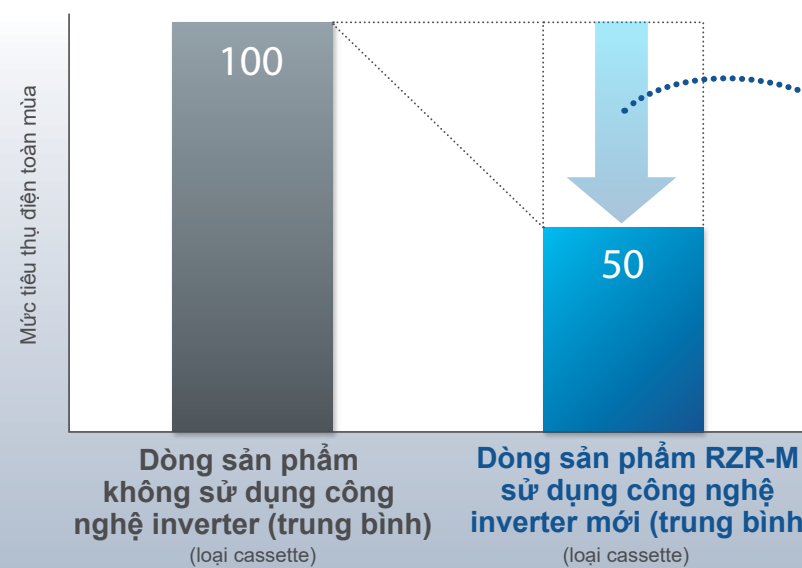
Tiết kiệm năng lượng



Những mẫu máy sử dụng công nghệ inverter mới của Daikin làm giảm mức tiêu thụ năng lượng trong suốt quá trình làm lạnh **MỚI**

So với các dòng sản phẩm không sử dụng công nghệ inverter trước đây, dòng sản phẩm mới RZR-M tiêu thụ năng lượng ít hơn khoảng 50%. Làm lạnh nhanh và hiệu quả với mức tiêu thụ điện ít hơn.

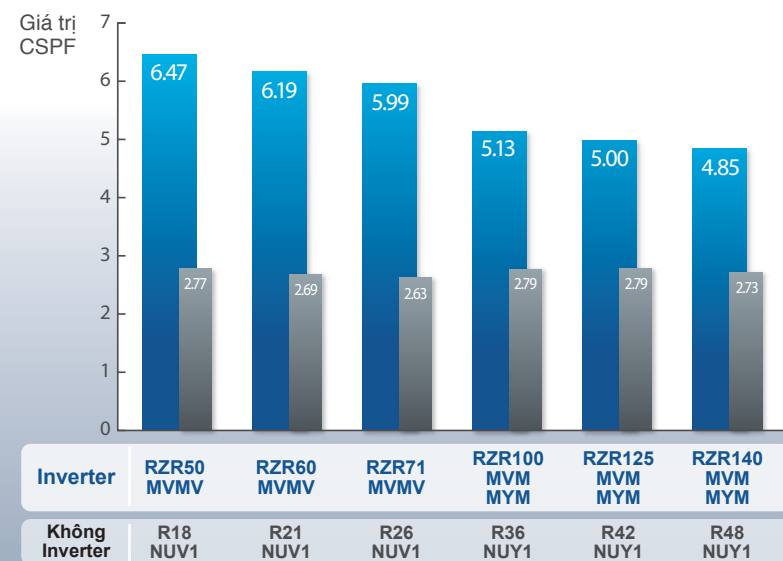
So sánh mức tiêu thụ điện dựa trên giá trị trung bình hệ số hiệu quả lạnh toàn mùa CSPF.



Giảm 50%

Ghi chú: Giá trị 100 thể hiện lượng điện năng do một loại máy không sử dụng công nghệ inverter trong một giai đoạn làm lạnh tương đương.

Giá trị CSPF theo công suất của các mẫu cassette



Dòng sản phẩm RZR-M R410A inverter mới (loại Cassette)
Dòng sản phẩm không inverter cũ (loại Cassette)

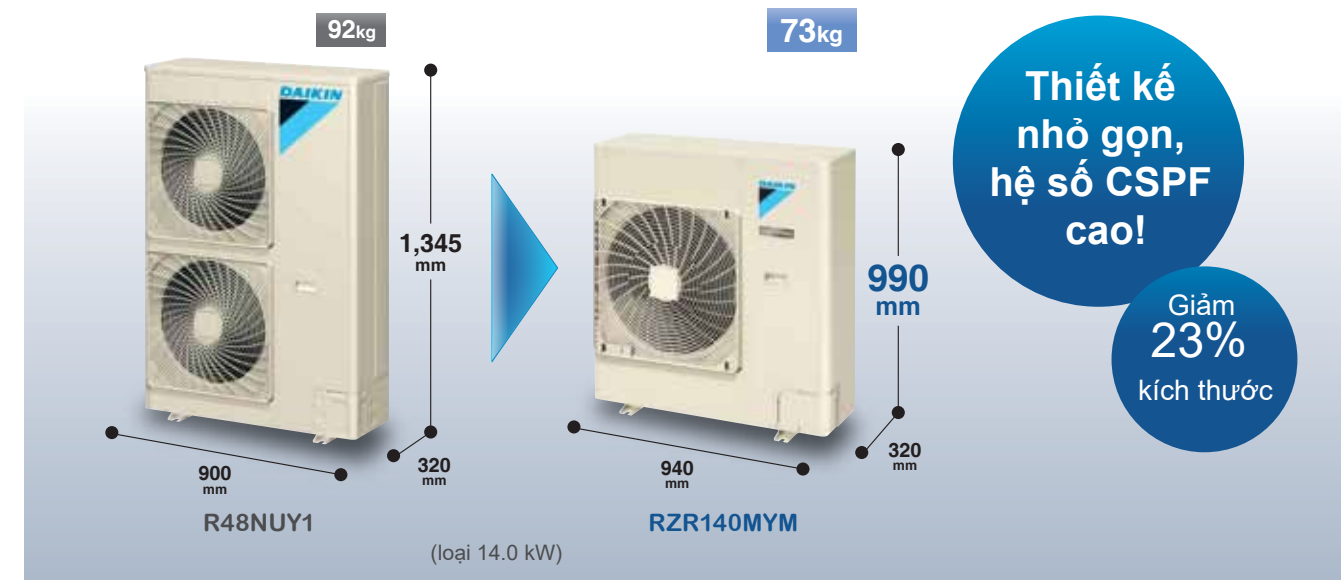
* CSPF (Hệ số hiệu quả lạnh toàn mùa) là tiêu chí quốc tế mới về hiệu quả năng lượng được tính toán theo phương pháp được quy định tại ISO 16358-1.

CSPF là gì?

CSPF là giá trị của tổng tải lạnh hàng năm chia cho tổng lượng điện năng tiêu thụ hàng năm với điều kiện ngoài trời được quy định bởi tiêu chuẩn ISO.

Thiết kế nhỏ gọn

Các dàn nóng mới còn tiết kiệm không gian nhiều hơn **MỚI**



So với các dòng không sử dụng công nghệ inverter trước đây, các dàn nóng này nhỏ gọn hơn nhiều. Lắp đặt dễ dàng ở các khu vực giới hạn diện tích.

Loại	7.1/7.6 kW	10.0 kW	12.5 kW	14.0 kW
	R26NUY1	R36NUY1	R42NUY1	R48NUY1
Các dòng sản phẩm không sử dụng công nghệ inverter	70kg, 770mm	79kg, 1,170mm	87kg, 1,170mm	92kg, 1,345mm
	RZR71MVMV	RZR100MVM MYM	RZR125MVM MYM	RZR140MVM MYM
Dòng sản phẩm RZR-M sử dụng công nghệ inverter mới	43kg, 595mm	65kg (VM), 73kg (YM), 990mm		

Cảm giác thoải mái

Khả năng làm lạnh nhanh và hút ẩm không khí: Công nghệ inverter mới mang lại cảm giác thoải mái nhanh chóng hơn (Một chiều lạnh)

MỚI

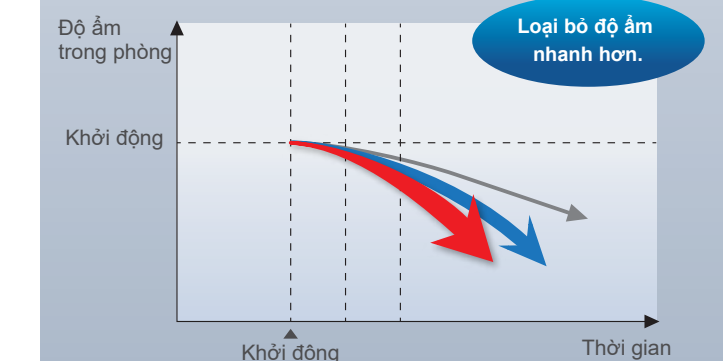
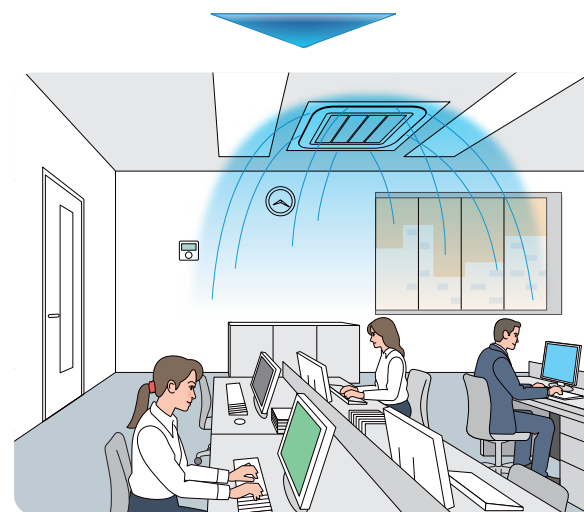
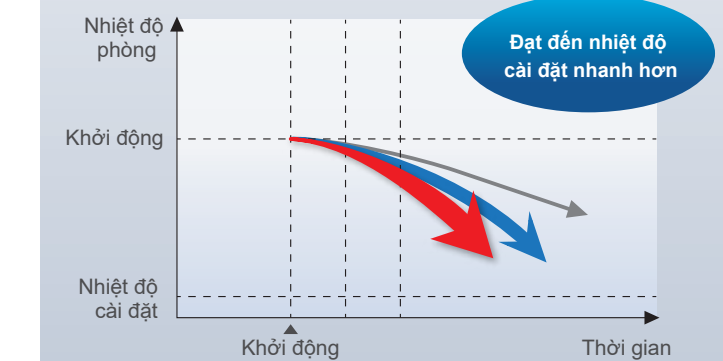
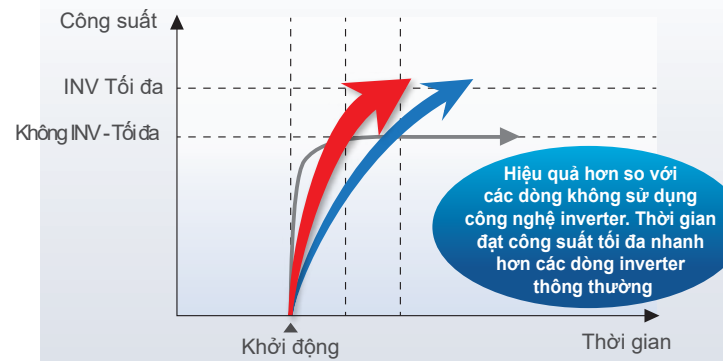
Chức năng làm lạnh nhanh

Nhanh chóng và dễ dàng làm không gian trở nên thoải mái trước khi nhân viên hoặc khách hàng đến. Cũng như khả năng làm lạnh tối đa, công nghệ inverter mới có thể loại bỏ độ ẩm trong phòng. Không chỉ làm giảm nhiệt độ phòng, tính năng kép mang lại cảm giác thoải mái cho người sử dụng chỉ trong vòng tối đa 30 phút.



- ➔ Công nghệ Inverter mới (dòng RZR-M)
- ➔ Công nghệ Inverter thông thường (dòng RZR-L)
- ➔ Không sử dụng công nghệ Inverter

● Điều khiển từ xa BRC1E62 được sử dụng cho chức năng làm lạnh nhanh.

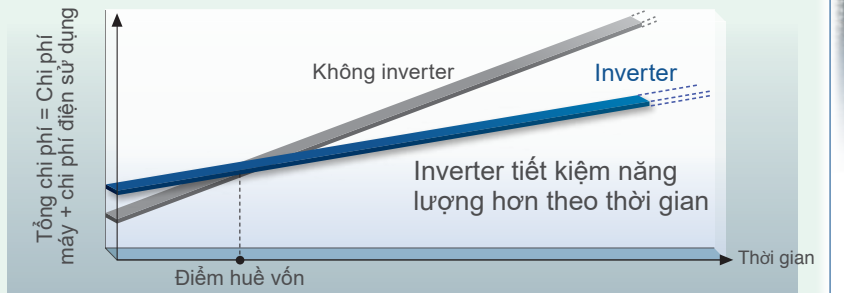


Các lợi ích của công nghệ Inverter

Super Inverter

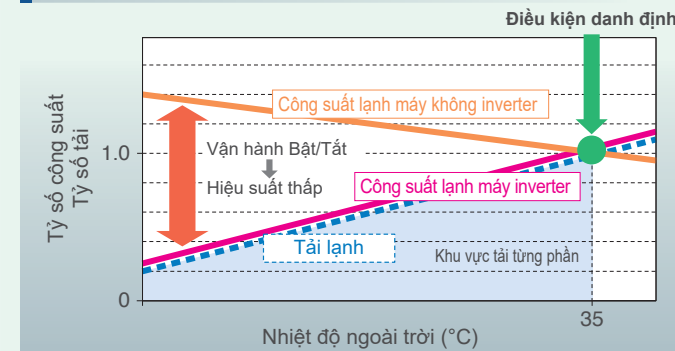
Tại sao công nghệ Inverter lại tiết kiệm hơn?

Hệ thống Inverter tiêu thụ ít điện hơn và nhanh chóng bù lại mức chênh lệch chi phí ban đầu. Điều này dẫn đến tổng chi phí cuối cùng thấp hơn.



Máy điều hòa Inverter có thể điều chỉnh công suất làm lạnh theo mức tải. Điều này giúp cho việc tiêu thụ điện năng ít hơn.

Các máy Inverter không hoạt động theo nguyên tắc Bật-Tắt liên tục.



Inverter Lái xe trên cao tốc



Không inverter Lái xe trong thành phố

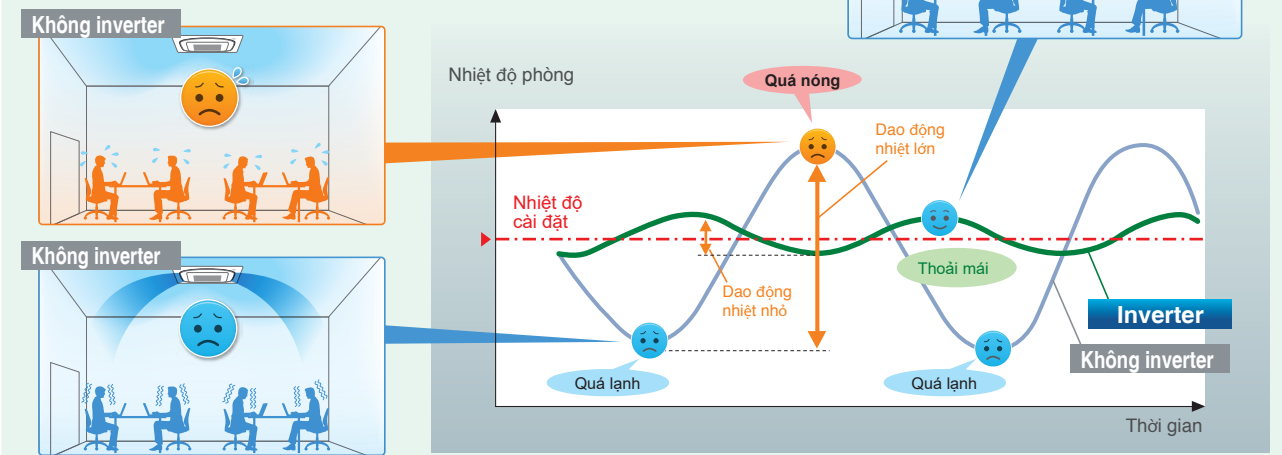


Để đối phó với việc dao động tải, các máy điều hòa không sử dụng công nghệ Inverter phải liên tục thực hiện Bật (đẩy điện năng)/ Tắt (không có điện) trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, các máy Inverter lại có thể hoạt động với công suất làm lạnh tối ưu theo mức tải. Do các máy inverter cung cấp công suất làm lạnh tối thiểu với mức tiêu thụ điện tối thiểu, tổng điện năng tiêu thụ có thể giảm trong quá trình làm lạnh.

Tại sao công nghệ Inverter mang lại sự thoải mái hơn?

Khi không có sự dao động nhiệt đáng kể thì nhiệt độ cài đặt được duy trì.

Công nghệ Inverter phản ứng khi có sự thay đổi tải và do đó không gây ra những điều chỉnh nhiệt độ đáng kể. Các máy không sử dụng công nghệ Inverter phải BẬT và TẮT liên tục khi có biến động tải và dẫn đến dao động nhiệt lớn.

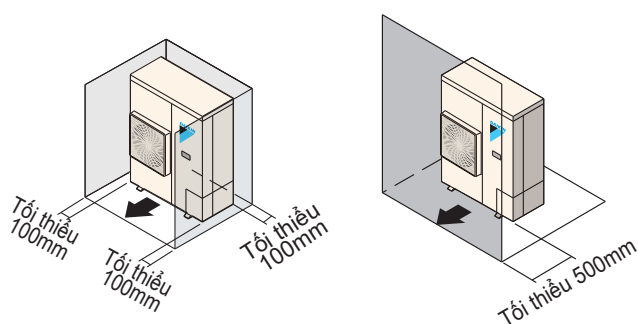


Độ bền

Chế độ bảo vệ tự động khi điện áp thấp

Trong các thời điểm tiêu thụ điện cao điểm trong ngày và đêm, nguồn điện có thể dao động. Bộ bảo vệ điện áp thấp áp sẽ tự động ngắt hoạt động. Khi điện áp phục hồi bình thường, máy sẽ hoạt động trở lại như trước khi ngắt.

Dàn nóng vẫn có thể được lắp đặt ngay cả trong những điều kiện không gian giới hạn



Bảng mạch được phủ lớp bảo vệ

Các bảng mạch được phủ lớp bảo vệ nhằm ngăn chặn các vấn đề do độ ẩm và bụi bẩn trong không khí gây ra.



Chức năng tự chẩn đoán giúp hỗ trợ phản hồi nhanh chóng.

Khi có thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình LCD của điều khiển từ xa, một đèn LED sẽ bật trên máy. Khi lắp đặt điều khiển từ xa BRC1E62, một mã báo lỗi sẽ xuất hiện, trên đó thể hiện thông tin liên hệ và tên sản phẩm. Hãy liên hệ với nhà phân phối Daikin của bạn và cung cấp mã báo lỗi và tên sản phẩm.



Các chức năng tiện lợi

Super Inverter

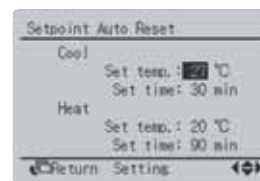
Và hơn thế nữa... Công nghệ inverter cao cấp của Daikin mang lại nhiều lợi ích khác nhau cho khách hàng và người lắp đặt.

Bộ điều khiển từ xa BRC1E62 bao gồm các chức năng tiện lợi.

Tự động chỉnh về nhiệt độ đã thiết lập trước bởi người sử dụng

Tự động trở về điểm cài đặt

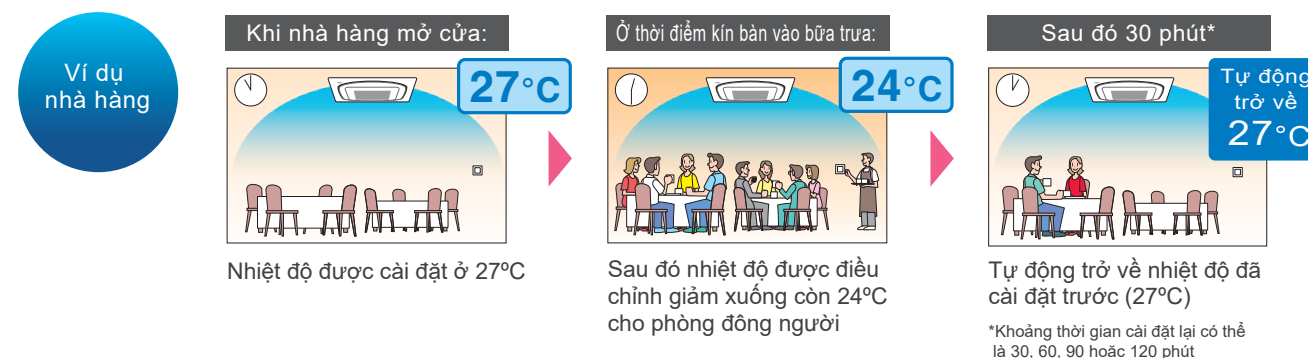
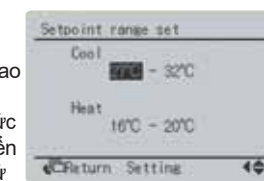
- Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt thay đổi, sau thời gian cài đặt tự động, nhiệt độ mới sẽ trở về lại giá trị đã cài đặt trước đó.
- Các khoảng thời gian có thể lựa chọn từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút.



Người sử dụng có thể cài đặt trước các mức nhiệt độ thấp và cao.

Cài đặt khoảng nhiệt độ

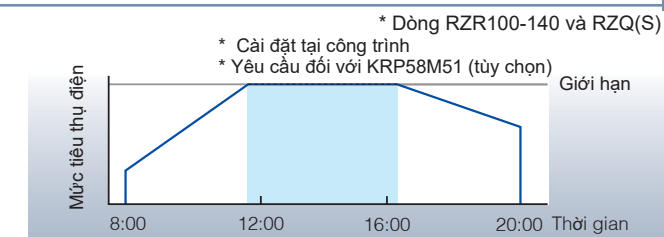
- Tiết kiệm năng lượng bằng cách cài đặt các mức nhiệt độ thấp nhất và cao nhất
- Tránh việc sưởi hoặc làm lạnh quá mức
- Chức năng này tiện lợi nếu điều khiển được lắp đặt ở những nơi mà bất cứ ai cũng có thể thay đổi các cài đặt.



Chức năng kiểm soát nhu cầu

Bằng cách cài đặt các giới hạn để hạn chế việc tiêu thụ điện, bạn có thể chi trả ít hơn cho các hóa đơn tiền điện.

Việc tiêu thụ điện được ưu tiên hàng đầu, và giới hạn mức tiêu thụ tối đa của một máy. Mức tiêu thụ tối đa có thể cài đặt ở mức 40, 60, 70, 80 hoặc 100%.



Tiết kiệm và thoải mái hơn trong những trường hợp đặc biệt

(Một chiều lạnh)

*Vui lòng xem Sổ tay Dịch vụ.

Khả năng làm lạnh cao giúp tiết kiệm điện hơn.



Đối với các khu vực như các phòng đặt máy chủ đơn giản, việc hút ẩm không cần thiết và chế độ "High sensible cooling" có thể giúp tiết kiệm điện hơn.

*Chế độ này được cài đặt trong dòng sản phẩm RZR-M. Có thể cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa.

Khả năng làm lạnh và hút ẩm không khí cao mang lại sự thoải mái nhiều hơn



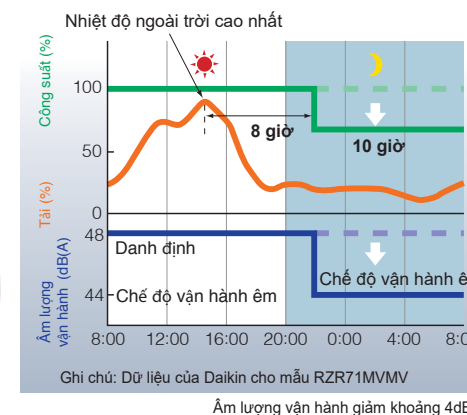
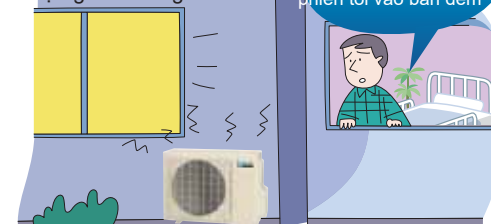
Trong các nhà hàng hoặc các khu vực đông người khác, chế độ "Làm lạnh hút ẩm cao" giúp giảm độ ẩm và tăng cảm giác thoải mái.

*Chế độ này được cài đặt trong các mẫu sản phẩm RZR100-140M. Có thể cài đặt tại chỗ trên các dàn nóng.

Chế độ hoạt động vào ban đêm

Chức năng này tính đến việc ảnh hưởng do hoạt động của máy điều hòa đến hàng xóm xung quanh

Âm thanh phát ra khi dàn nóng vận hành có thể được giảm xuống.



*Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa



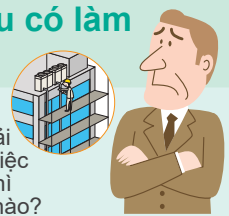
Tận dụng đường ống hiện hữu

(chỉ riêng đối với dòng RZR-M)

Ưu lợi 1: Đơn giản hóa qui trình lắp đặt, giúp giảm bớt thời gian và chi phí

Khi xem xét việc thay máy điều hòa, liệu những vấn đề sau có làm bạn bận tâm?

- Trong quá trình thay máy điều hòa, liệu việc kinh doanh sẽ phải tạm ngưng trong bao lâu? Khi việc thay thế đang được thực hiện thì doanh số sẽ bị ảnh hưởng thế nào?
- Liệu các chi phí có cao và thời gian thực hiện có lâu không vì sẽ cần gián giáo cho việc thay đường ống?



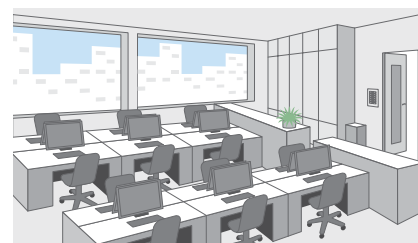
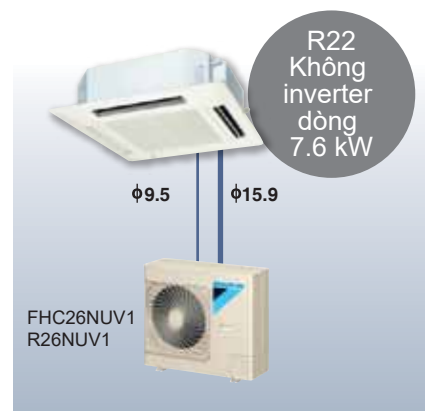
Những vấn đề này đã được Daikin giải quyết!

Chúng tôi cắt giảm chi phí thay thế và rút ngắn thời gian thực hiện bằng việc tận dụng các đường ống hiện hữu ở những nơi nào có thể

*Các điều kiện nghiêm ngặt được áp dụng. Vui lòng kiểm tra bảng ở trang 43 để biết thông tin về kích cỡ ống được chấp nhận (nếu tái sử dụng đường ống).

Ưu lợi 2: Bạn có thể tăng công suất làm lạnh và đạt hiệu suất năng lượng cao hơn

Nâng cấp lên một máy điều hòa với công nghệ hiện đại nhất mang lại sự thoải mái nhiều hơn và hiệu suất năng lượng cao hơn.



Những máy điều hòa với công suất cao hơn đảm bảo hiệu quả sử dụng tốt hơn khi hoạt động trong điều kiện nhiệt gia tăng phát ra từ các thiết bị văn phòng và người sử dụng

Công nghệ

Công nghệ tiên tiến với việc sử dụng van tiết lưu điện tử chống ăn mòn, thiết bị trung hòa axit và độ tin cậy máy nén tăng lên giúp cho việc tái sử dụng đường ống hiện hữu mà không cần súc rửa đường ống để quá trình thay thế máy được đơn giản hóa

Dầu bôi trơn máy cải tiến

Một chất trung hòa axit được bổ sung vào để loại bỏ axit (ion clo), tác nhân gây ra ăn mòn

Van tiết lưu điện tử chống ăn mòn cao

Máy nén có độ tin cậy cao

Sự bền của máy nén tăng lên bằng việc lắp đặt một máy lọc hoặc ắc quy để thu tạp chất

*Các điều kiện nghiêm ngặt được áp dụng, xin xem bảng ở trang 43 đối với các kích cỡ ống có thể chấp nhận để tái sử dụng

Super Inverter

Thiết kế linh hoạt

Có thể điều khiển cơ chế vận hành Bật - Tắt bằng lệnh điều khiển bên ngoài
(Có ở loại giấu trần nổi ống gió áp suất tĩnh trung bình)

*Cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa

Cơ chế Tắt máy luôn được thực hiện nếu được kết nối với chìa khóa phòng của khách sạn. Điều này giúp tiết kiệm điện tổng thể

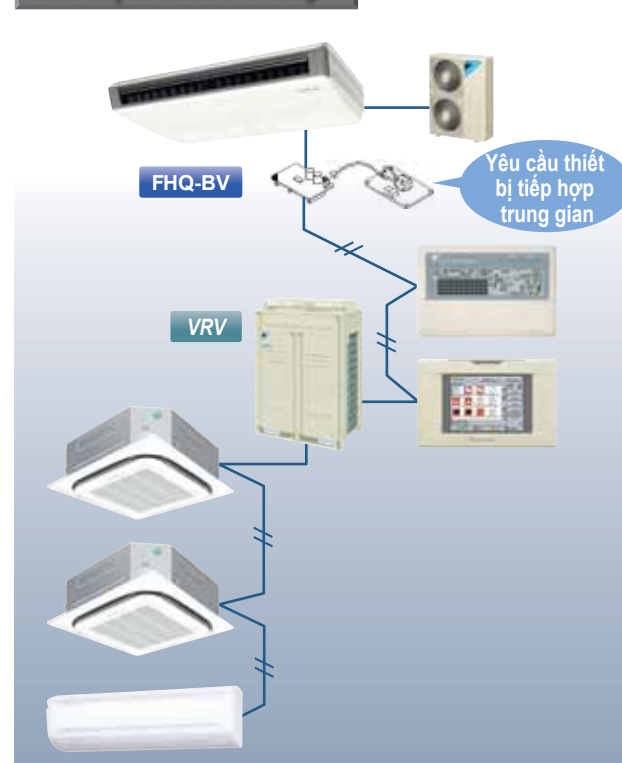
Dàn lạnh nổi ống gió với áp suất tĩnh dòng FBQ-E



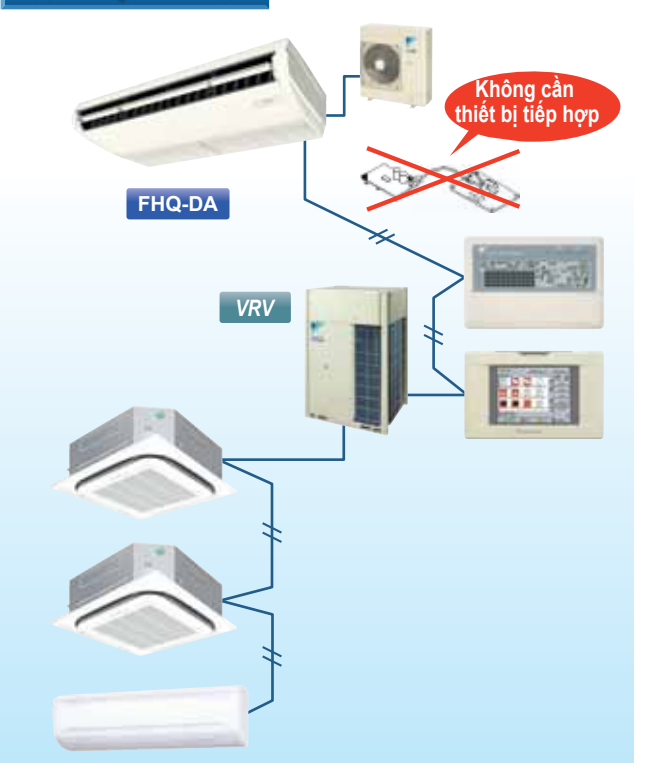
*Các loại dàn lạnh khác có thể thực hiện được bằng việc sử dụng thiết bị tiếp hợp (tùy chọn).

Tất cả các dàn lạnh đều tuân thủ tiêu chuẩn DIII-Net

Dàn lạnh trước đây



Dàn lạnh mới



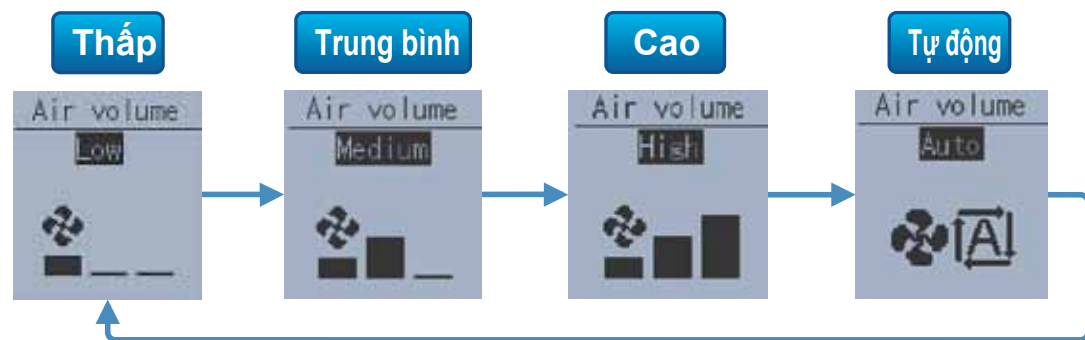
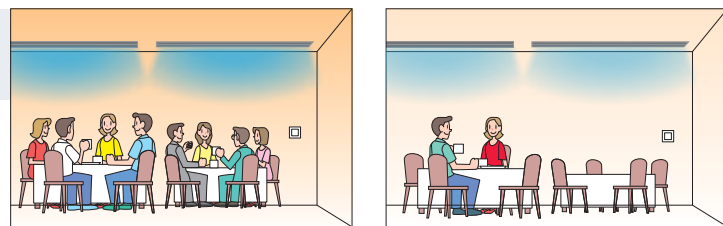
Nhờ vào kết nối DIII-Net tiêu chuẩn và chiều dài ống, các dàn lạnh này thích hợp cho các công trình dự án sử dụng hệ thống VRV và SkyAir

Kiểm soát dòng khí thông minh

Các dàn lạnh có thể cung cấp chế độ 3 bước kiểm soát lưu lượng gió.

Đảm bảo thoải mái nhờ vào lưu lượng gió "Tự động" phù hợp với mức tải
(Chức năng này có sẵn trong các model nổi ống gió và tủ đứng đặt sàn)

Hiệu suất năng lượng tiện lợi cho các cửa hàng vào các thời điểm cao điểm và vắng khách.

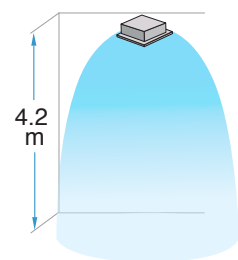


Tiện lợi cho các trần nhà cao và không gian mở với khoảng cách thổi xa

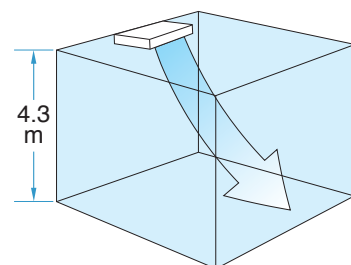
Loại cassette <Thổi đa hướng> tối đa 4.2 m

Loại áp trần: Tối đa 4.3 m

*Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa



Xem trang 19



Xem trang 22



Lựa chọn hướng gió phù hợp với hình dáng phòng và vị trí lắp đặt

Loại cassette <Thổi đa hướng>

Các kiểu thổi gió Có 23 kiểu hướng thổi

Thổi 2 hướng hình chữ L (Ví dụ: Máy được lắp trong góc)

Thổi 2 hướng đối lưu (Ví dụ: Máy được lắp trong phòng dài)

Thổi đa hướng (Ví dụ: Máy được lắp giữa trần)

Thổi 3 hướng (Ví dụ: Máy được lắp ở vị trí gần tường)

Máy cũng có thể thổi 4 hướng

Xem trang 18-19

Bạn có thể tùy thích cài đặt hướng thổi bằng điều khiển từ xa

(1) Cài đặt hướng thổi tiêu chuẩn

(2) Cài đặt hướng thổi gần bản trần

Loại áp trần

Luồng gió thổi dài hoặc rộng

Xem trang 22

Loại tủ đứng đặt sàn

Chọn một trong ba hướng:

Kiểu 1: Đảo gió đồng đều về phía trước

Kiểu 2: Đảo gió sang bên trái

Kiểu 3: Đảo gió sang bên phải

Xem trang 26

Dãy sản phẩm



Một chiều lạnh

Seri	50	60	71		100	125	140
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi đa hướng> <i>THỔI ĐA HƯỚNG</i>							
	FCQ50KAVEA RZR50MVMV	FCQ60KAVEA RZR60MVMV	FCQ71KAVEA RZR71MVMV		FCQ100KAVEA RZR100MVMV RZR100MYM	FCQ125KAVEA RZR125MVMV RZR125MYM	FCQ140KAVEA RZR140MVMV RZR140MYM
DÀN LẠNH ÁP TRẦN							
	FHQ50DAVMA RZR50MVMV	FHQ60DAVMA RZR60MVMV	FHQ71DAVMA RZR71MVMV		FHQ100DAVMA RZR100MVMV RZR100MYM	FHQ125DAVMA RZR125MVMV RZR125MYM	FHQ140DAVMA RZR140MVMV RZR140MYM
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH							
	FBQ50EVE RZR50MVMV	FBQ60EVE RZR60MVMV	FBQ71EVE RZR71MVMV		FBQ100EVE RZR100MVMV RZR100MYM	FBQ125EVE RZR125MVMV RZR125MYM	FBQ140EVE RZR140MVMV RZR140MYM
DÀN LẠNH TỤ ĐỨNG ĐẶT SÀN							
	FVQ50CVE RZR50MVMV	FVQ60CVE RZR60MVMV	FVQ71CVEB RZR71MVMV		FVQ100CVEB RZR100MVMV RZR100MYM	FVQ125CVEB RZR125MVMV RZR125MYM	FVQ140CVEB RZR140MVMV RZR140MYM
DÀN NÓNG <i>Super Inverter</i>							
	RZR50MVMV	RZR60MVMV	RZR71MVMV		RZR100MVMV RZR100MYM	RZR125MVMV RZR125MYM	RZR140MVMV RZR140MYM

Hai chiều lạnh/sưởi



Seri	50	60	71		100	125	140
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi đa hướng> <i>THỔI ĐA HƯỚNG</i>							
	FCQ50KAVEA RZQ50AV1	FCQ60KAVEA RZQ60AV1	FCQ71KAVEA RZQ71LV1		FCQ100KAVEA RZQ100LV1 RZQ100HAY4A	FCQ125KAVEA RZQ125LV1 RZQ125HAY4A	FCQ140KAVEA RZQ140LV1 RZQ140HAY4A
DÀN LẠNH ÁP TRẦN							
	FHQ50DAVMA RZQ50AV1	FHQ60DAVMA RZQ60AV1	FHQ71DAVMA RZQ71LV1		FHQ100DAVMA RZQ100LV1 RZQ100HAY4A	FHQ125DAVMA RZQ125LV1 RZQ125HAY4A	FHQ140DAVMA RZQ140LV1 RZQ140HAY4A
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH							
	FBQ50EVE RZQ50AV1	FBQ60EVE RZQ60AV1	FBQ71EVE RZQ71LV1		FBQ100EVE RZQ100LV1 RZQ100HAY4A	FBQ125EVE RZQ125LV1 RZQ125HAY4A	FBQ140EVE RZQ140LV1 RZQ140HAY4A
DÀN LẠNH TỤ ĐỨNG ĐẶT SÀN							
	FVQ50CVE RZQ50AV1	FVQ60CVE RZQ60AV1	FVQ71CVEB RZQ71LV1		FVQ100CVEB RZQ100LV1 RZQ100HAY4A	FVQ125CVEB RZQ125LV1 RZQ125HAY4A	FVQ140CVEB RZQ140LV1 RZQ140HAY4A
DÀN NÓNG <i>Super Inverter</i>							
	RZQ50AV1	RZQ60AV1	RZQ71LV1		RZQ100LV1 RZQ100HAY4A	RZQ125LV1 RZQ125HAY4A	RZQ140LV1 RZQ140HAY4A

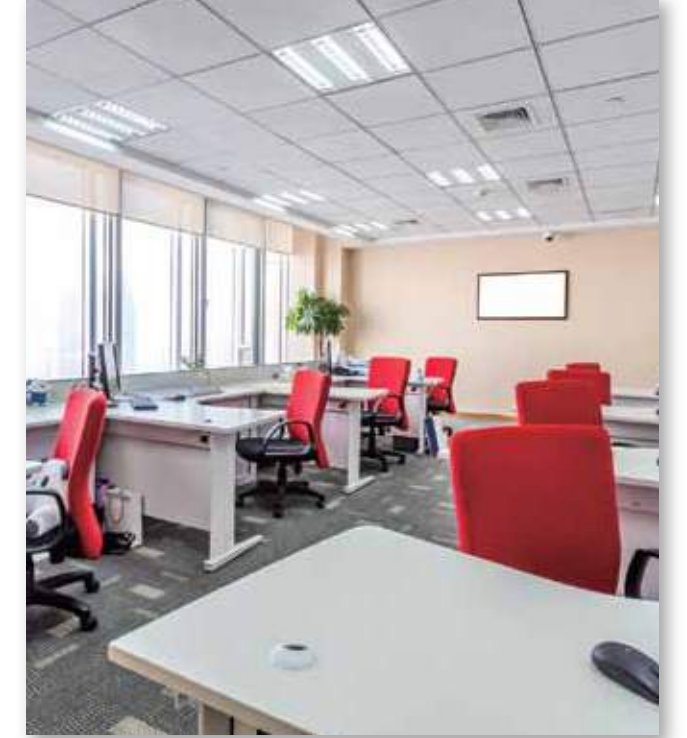
Với sự đa dạng trong chủng loại dàn Daikin thỏa mãn mọi nhu cầu của

lạnh inverter và nguồn điện, khách hàng

LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi đa hướng>



LOẠI NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH



LOẠI ÁP TRẦN



LOẠI TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN



Chuẩn mực mới từ dàn lạnh Cassette thổi gió đồng nhất 360°



Phụ kiện tùy chọn
Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa

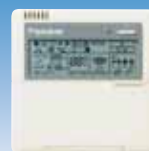
(Điều khiển có dây)



BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

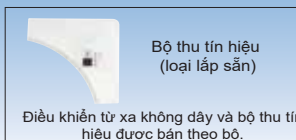
Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu



Một chiều lạnh: **BRC7F635F**

Làm lạnh hai chiều lạnh/sưởi: **BRC7F634F**



Bộ thu tín hiệu (loại lắp sẵn)

Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Tránh nhiệt độ không đồng đều và cảm giác khó chịu do gió lùa gây ra
■ Tăng cảm giác sảng khoái với luồng gió đa hướng thổi!

Luồng gió thổi 360°

- Phân bổ nhiệt độ đồng đều



Luồng gió phân bổ đồng đều tạo cảm giác dễ chịu khắp phòng

Mức độ thoải mái trong phòng không đổi khi nhiệt độ cài đặt tăng 1°C.

Luồng gió nhẹ nhàng phân bổ đều ra mọi hướng

- Tăng cường sảng khoái



Luồng gió 360° độ giúp bạn luôn tận hưởng cảm giác sảng khoái ngay cả khi tốc độ gió thấp.

Vận tốc gió giảm 25% khi nhiệt độ cài đặt tăng 1°C đến 1.5°C.

■ Dễ dàng thích ứng với mọi không gian lắp đặt

- Gió được thổi ra từ miệng gió ở các góc tạo cảm giác dễ chịu, sảng khoái khắp phòng.

Các kiểu thổi gió điển hình

Có tổng cộng 23 kiểu thổi gió.

Thổi đa hướng



(Ví dụ: Máy được lắp ở giữa trần)

Có thể thổi được 4 hướng.

Thổi 3 hướng



(Ví dụ: Máy được lắp gần tường)

Thổi 2 hướng hình chữ L



(Ví dụ: Máy được lắp trong góc)

Thổi 2 hướng đối lưu



(Ví dụ: Máy được lắp trong phòng dài)

Lưu ý: Một kiểu mặt nạ được sử dụng dành cho tất cả các kiểu thổi. Nếu lắp đặt các kiểu khác ngoài kiểu thổi đa hướng, cần sử dụng tấm chắn miệng gió (phụ kiện tùy chọn) để che các miệng gió không sử dụng.
 Độ ồn tăng khi sử dụng thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.

Lớp phủ chống bụi và vi khuẩn: Giúp cho việc vệ sinh dễ dàng hơn

■ Mặt nạ bên ngoài được phủ lớp chống bụi

- Để tránh bắt bụi, mặt nạ bên ngoài đã được phủ một lớp chống bụi lên bề mặt.



Bề mặt đã phủ lớp chống bụi

Bề mặt chưa được phủ lớp chống bụi

Chống bám bụi

Bề mặt dây bụi bẩn

• Hiện tượng xảy ra khi tiếp xúc với khói của 600 điều thuốc lá trong không gian kín có thể tích 1 m³

- Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn

Phương pháp kháng khuẩn tích hợp sử dụng ion bạc trong máng nước xả giúp ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả

- Cánh đảo gió không có gờ

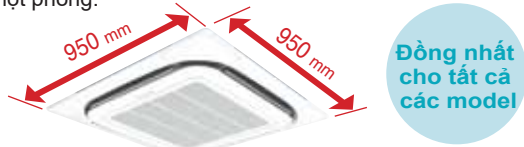
Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bẩn bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.

- Phin lọc chống nấm mốc và vi khuẩn

Ngăn ngừa nấm mốc và vi khuẩn sản sinh từ bụi và độ ẩm có thể bám trên phin lọc.

Mặt nạ vuông đồng nhất **Kiểu dáng nhỏ gọn và vận hành êm ái**

- Kích thước mặt nạ được đồng nhất cho tất cả model, FCQ50-140KA. Điều này giúp cho việc duy trì trình thẩm mỹ gọn gàng khi lắp đặt nhiều thiết bị trong cùng một phòng.



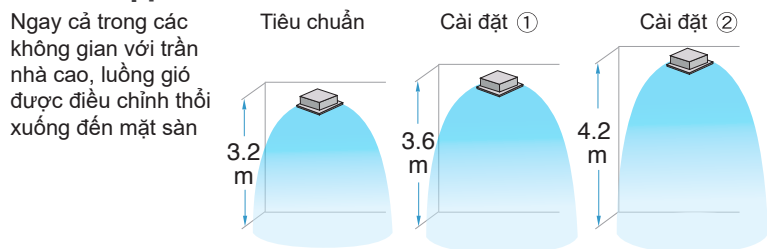
Dàn lạnh	Độ ồn dB(A)		
	Cao	Trung bình	Thấp
50KA	35	31.5	28
60KA	35	31.5	28
71KA	35	31.5	28
100KA	43	37.5	32
125KA	44	39	34
140KA	44	40	36

Tiện lợi và thoải mái tối ưu từ 02 chế độ đảo gió

Hướng thổi	Cài đặt tiêu chuẩn ¹	Cài đặt chống bắn trần ² (cài đặt tại công trình)
Vị trí mong muốn	Cài đặt tiêu chuẩn để ngăn gió lùa	Khuyến khích sử dụng cho các cửa hàng có trần màu sáng cần giữ sạch
Đảo gió tự động	Đảo gió tự động trong khoảng 15° và 60°	Đảo gió tự động trong khoảng 25° và 60°
Cài đặt hướng thổi 5 mức độ	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 15° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 25° và 60°
Ngăn gió lùa (theo chế độ sưởi)	Ở chế độ bắt đầu sưởi và bộ cảm biến nhiệt tắt, hướng thổi gió được cài đặt tự động theo góc 20° hoặc 30° theo phương ngang để ngăn việc tiếp xúc trực tiếp với các luồng gió lùa	
Điều khiển hướng thổi tự động	Tự động phục hồi hướng thổi đã cài đặt.	

Lưu ý:
¹ Hướng thổi được cài đặt ở vị trí chuẩn khi dàn lạnh được giao từ nhà máy. Vị trí này có thể thay đổi bằng điều khiển từ xa.
² Nên đóng các miệng gió ở góc dàn lạnh.

Thích hợp với các trần nhà cao



Khi chế độ thổi gió tròn đa hướng được lựa chọn thì gió có thể thổi được đến các trần nhà ở độ cao 4,2m (100-140KA)

Chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và số lượng miệng gió
(Chiều cao trần chỉ là các giá trị tham khảo)

Chiều cao trần nhà	Tiêu chuẩn	Số lượng miệng gió được sử dụng							
		50-71KA				100-140KA			
		Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng	Thổi đa hướng	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng
Tiêu chuẩn	2.7 m	3.1 m	3.0 m	3.5 m	3.2 m	3.4 m	3.6 m	4.2 m	
Trần nhà cao mức ①	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m	
Trần nhà cao mức ②	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—	

Lưu ý: Cài đặt của nhà máy dành cho chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và luồng khí 360°. Các cài đặt cho trần nhà cao mức (1) và (2) được thiết lập tại chỗ bằng điều khiển từ xa

Hai bộ cảm biến nhiệt

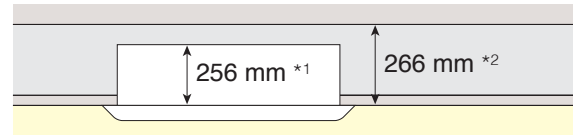
Xem trang 35

Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Trung bình/Thấp

Chức năng kiểm soát lượng gió được cải thiện từ 2 bước thành 3 bước

Lắp đặt dễ dàng và nhanh chóng

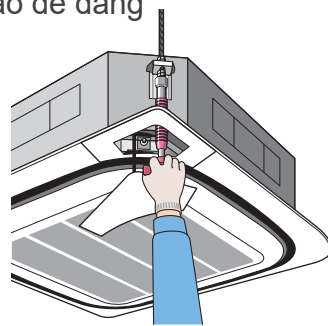
- Với độ cao chỉ 256 mm, máy có thể lắp đặt ở các trần nhà hẹp (50-71KA)



*1 Độ cao 298 mm với mẫu 100-140KA
 *2 Độ cao 308 mm với mẫu 100-140KA

Điều chỉnh độ cao dễ dàng

Mỗi góc máy đều có một vít điều chỉnh giúp cho việc điều chỉnh độ cao áp trần của máy trở nên dễ dàng.

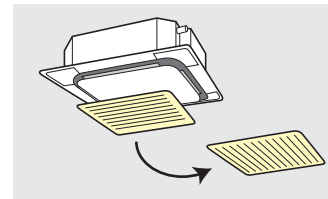


Lưu ý:
 Nếu lắp điều khiển từ xa không dây, thiết bị thu tín hiệu sẽ được cài vào một trong các ổ điều chỉnh.

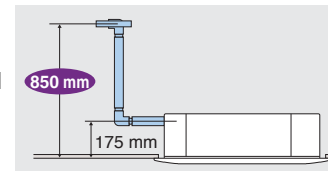
Do trọng lượng nhẹ nên tất cả các model có thể được lắp đặt mà không cần sử dụng thiết bị nâng

Có thể lắp máy theo bất kỳ hướng nào

Vì hướng của lưới hút gió có thể điều chỉnh được sau khi lắp đặt, hướng lưới có thể được đồng nhất cho toàn không gian khi có nhiều máy được lắp đặt.



Hệ thống bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn của máy với độ nâng 850 mm.



Đầu nối ống nước xả trong suốt.



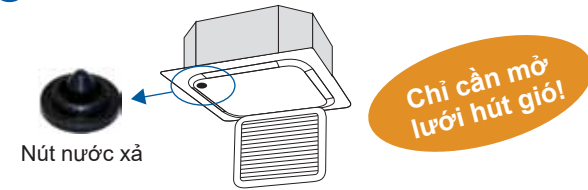
Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện.

Cơ chế phát hiện áp suất khí thấp Xem trang 36

Dễ dàng bảo dưỡng

- Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và nước xả bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.

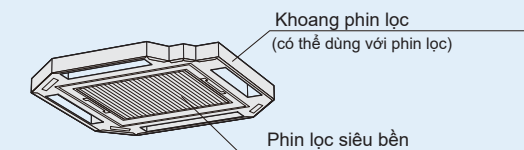


- Với phin lọc siêu bền (phụ kiện tùy chọn), không cần bảo dưỡng trong vòng 04 năm đối với các cửa hàng và văn phòng thông thường.

Phụ kiện cần thiết đối với máy vận hành trong môi trường đặc biệt

Phin lọc siêu bền

Ngay cả trong môi trường nhiều bụi mà máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần vệ sinh một năm một lần.



Môi trường nhiều bụi: Thay phin lọc hàng năm

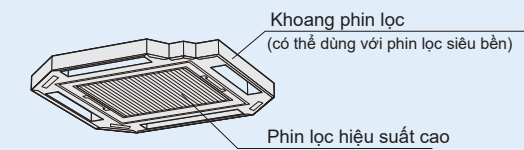
*Đối với mật độ bụi 0,3mg/m³ (Cần bộ lọc không khí riêng biệt)
 1 năm (khoảng 5.000 giờ) ≈ 15 giờ/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

Cửa hàng hoặc văn phòng thông thường: Thay phin lọc 4 năm một lần

*Đối với mật độ bụi 0,15 mg/m³
 4 năm (khoảng 10.000 giờ) ≈ 8 giờ/ngày x 25 ngày/tháng x 12 tháng/năm x 4 năm

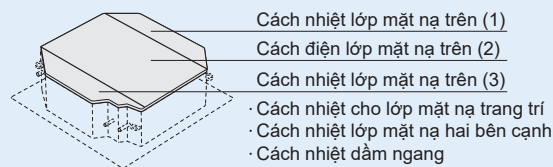
Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%.



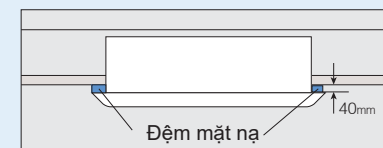
Bộ cách nhiệt khi độ ẩm cao

Hãy sử dụng bộ cách nhiệt khi bạn cho rằng nhiệt độ và độ ẩm bên trong trần tương ứng vượt quá 30°C và 80%.



Đệm mặt nạ

Chỉ sử dụng khi có không gian tối thiểu giữa trần treo và tấm trần.



Lưu ý: Một số cấu trúc trần nhà có thể gây khó khăn cho việc lắp đặt. Hãy liên hệ với Đại lý bán hàng của Daikin trước khi lắp đặt.

Tấm chắn miệng gió

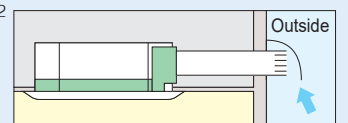
Tấm chắn miệng gió ngăn gió thoát ra ở miệng gió không sử dụng đối với kiểu thổi gió 2 hướng hoặc 3 hướng.

Ống nhánh (loại ống tròn nối trực tiếp)

Ống tròn có thể được lắp vào máy không cần khoang. Một cổng mặt bích để kết nối trực tiếp với ống gió tròn được cung cấp. Cũng có thể trang bị đặt buồng ống nhánh sẵn có (lỗ khe vuông).

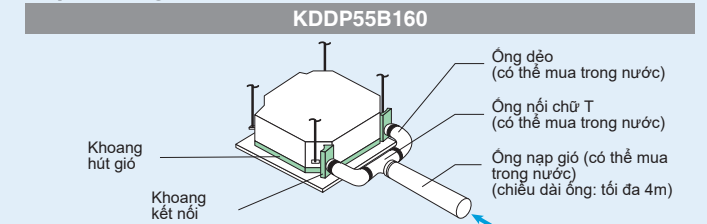
Bộ nạp gió tươi Ghi chú: 1.2

Sử dụng bộ nạp gió tươi này, có thể lắp thêm ống dẫn để tăng khả năng hút không khí từ bên ngoài. Có hai loại khoang có thể nạp gió ở hai bộ phận: ống nối chữ T và không có ống nối chữ T.

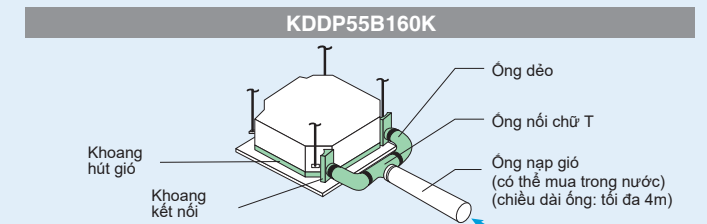


Máy có thể được lắp đặt theo các cách sau:

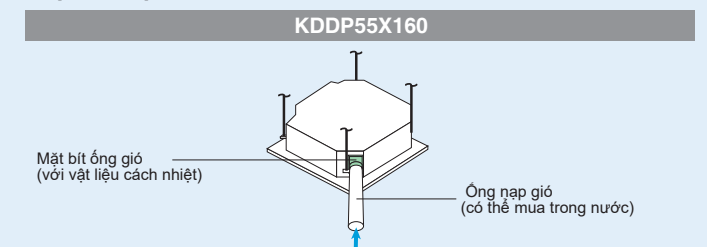
Loại khoang (không có ống nối chữ T) Ghi chú: 3.4



Loại khoang (có ống nối chữ T) Ghi chú: 3.4



Loại lắp trực tiếp



- Ghi chú: 1 Sử dụng các phụ kiện máy có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành.
 2 Các ống gió nối, quạt, lưới côn trùng, bộ chắn khói, bộ lọc gió và các phụ tùng khác nên mua trong nước nếu cần thiết.
 3 Khi mua quạt gió trong nước, cần có một khóa liên động với máy điều hòa. Phụ kiện tùy chọn PCB (KRP1C63) cần cho việc khóa liên động.
 4 Nên giới hạn lưu lượng khí trời nạp qua bộ nạp khoảng 10% lưu lượng khí tối đa của dàn lạnh. Việc nạp lượng gió nhiều hơn có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành và ảnh hưởng đến việc điều hòa nhiệt độ.

Luồng gió sáng khoái lan tỏa khắp phòng



Phụ kiện tùy chọn
Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa

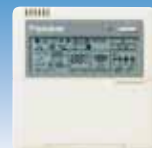
(Điều khiển có dây)



BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

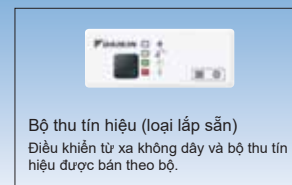
Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu



Một chiều lạnh: **BRC7GA56**

Làm lạnh hai chiều lạnh/sưởi: **BRC7GA53**



Bộ thu tín hiệu (loại lắp sẵn)
Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

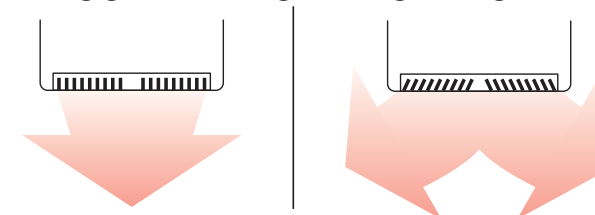
Mẫu mới nhất với kiểu dáng hiện đại

- Thiết kế tinh tế
Mẫu mới nhất với kiểu cách hiện đại. Nắp máy đóng gọn gàng khi không sử dụng
- Màu trắng

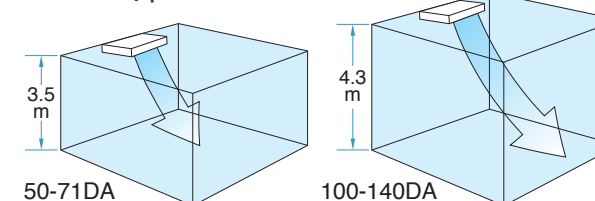


Mang lại cảm giác sáng khoái

- Công nghệ động cơ quạt một chiều kết hợp cánh quạt rộng sirocco và bộ trao nhiệt lớn mang đến luồng khí nhiều hơn và giữ cho máy vận hành êm ái.
- Đảo gió tự động (từ trên xuống và từ dưới lên) và mái hắt gió (bên trái và bên phải có thể chỉnh tay) mang lại sự thoải mái cho căn phòng.
- Cánh hướng dòng có thể chỉnh tay để có luồng gió thổi theo góc thẳng hoặc góc rộng.



- Thích hợp với các trần nhà cao



	50-71DA	100DA	125/140DA
Trần tiêu chuẩn	2,7m trở xuống	3,8m trở xuống	4,3m trở xuống
Trần cao	2,7m~3,5m	3,8m~4,3m	—

Lưu ý: Các cài đặt của nhà máy là cài đặt "tiêu chuẩn". Trường hợp "Trần cao" có thể cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa.

- Hai bộ cảm biến nhiệt có thể lựa chọn

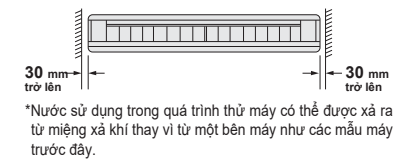
Xem trang 35

- Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Trung bình/Thấp

- Chế độ "Khử ẩm" Xem trang 35

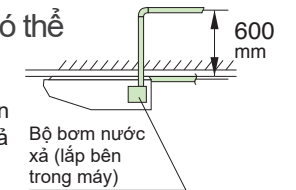
Lắp đặt linh hoạt mang lại tự do trong thiết kế

- Lắp đặt linh hoạt
Máy có thể lắp gọn hơn trong các điều kiện không gian hẹp.



- Bộ bơm nước xả (tùy chọn) có thể dễ dàng kết hợp với máy

Việc nối với ống xả có thể thực hiện bên trong máy. Đầu ra của ống ga và ống xả chung nhau.

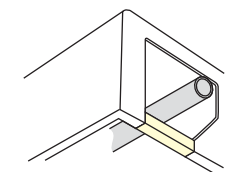


- Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện.

- Đi dây và bảo trì, sửa chữa có thể thực hiện bên dưới dàn lạnh.

- Dễ dàng đi ống ở bên hông nhờ vào khung có thể tháo rời.

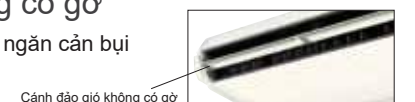


Bảo dưỡng dễ dàng

- Hệ thống bơm nước xả (tùy chọn) với tác nhân kháng khuẩn ion bạc giúp ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả.

- Cánh đảo gió không có gờ

Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.



- Bề mặt phẳng, có thể vệ sinh dễ dàng
Dễ dàng lau bụi khỏi bề mặt của máy.

Vận hành êm ái

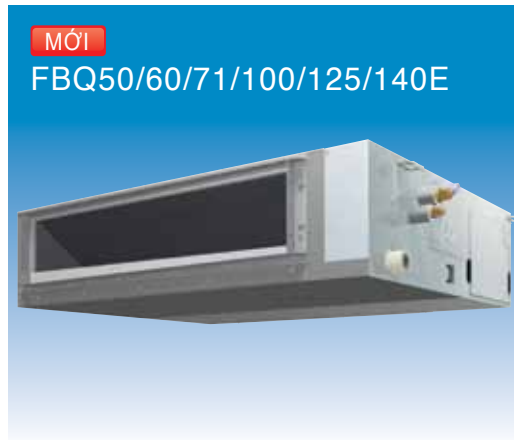
Dàn lạnh	Độ ồn		
	Cao	Trung bình	Thấp
50/60DA	37	35	32
71DA	38	36	34
100DA	42	38	34
125DA	44	41	37
140DA	46	42	38

Lưới chống dầu

- Lưới hút gió sử dụng chất liệu nhựa chống bám dầu. Điều này giúp tăng độ bền khi sử dụng máy trong các nhà hàng hoặc các môi trường tương tự

Lưu ý: Được thiết kế để sử dụng trong các salon, phòng ăn, và các mặt sân kinh doanh, đặc tính kỹ thuật này không phù hợp với không gian nhà bếp hoặc các môi trường khác nghiệt khác

Thiết kế mỏng hơn làm tăng tính linh hoạt khi lắp đặt



MỚI
FBQ50/60/71/100/125/140E

Phụ kiện tùy chọn
Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa
(Điều khiển có dây)

BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD có dây

BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây
Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu

Một chiều lạnh: **BRC4C66**
Làm lạnh hai chiều lạnh/sưởi: **BRC4C65**

Bộ thu tín hiệu (loại tách rời)

Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Điều hòa không khí đồng thời cho hai phòng và lưu thông gió (thông gió mở)

Khi điều hòa hai phòng cùng một lúc, lượng gió cấp cho từng phòng phải được tuần hoàn trở lại máy điều hòa. Để đảm bảo điều này, phải lắp đặt hệ thống thông gió cho từng phòng hoặc phải có cửa thông gió lắp ở ngăn trên vách tường hoặc dưới cửa giữa hai phòng.

Lưu ý: Phương pháp khe thông gió đặt dưới cửa nên được sử dụng khi lưu lượng gió nhỏ.

Linh hoạt trong thiết kế và lắp đặt

- Với độ cao chỉ 245 mm, việc lắp đặt khả thi ngay cả trong các tòa nhà có trần hẹp.

245mm

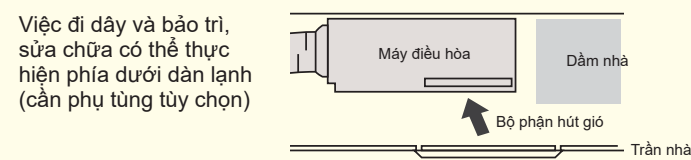
Một trong những thiết kế gọn nhẹ nhất của ngành điện lạnh trong phạm vi áp suất tính trung bình.

Loại dàn lạnh	50/60/71E	100/125/140E
Độ cao (mm)	245	
Độ rộng (mm)	1,000	1,400
Độ sâu (mm)	800	

- Mức nâng cao hơn được hiện thực hóa nhờ việc sử dụng phụ kiện tiêu chuẩn bơm nước xả DC.

Loại áp suất tính trung bình và cao (đồng FBQ-D) **700mm**

- Có sẵn đường hút ở đáy thiết bị



Hút gió bên hông **Hút gió từ đáy**

Mặt bit hút gió, Tấm chắn đáy, Nắp hộp điều khiển, Tấm chắn mặt bên máy (tùy chọn), Mặt bit hút gió đáy, Tấm chắn đáy, Hộp điều khiển hướng ra ngoài, Hộp điều khiển hướng vào trong.

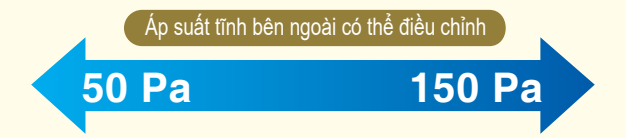
• Chuyển đổi tấm chắn đáy với mặt bit hút gió.
• Đặt hộp điều khiển hướng vào trong.

Cảm giác sảng khoái

- Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Trung bình/Thấp và Tự động (Chế độ "Tự động" chỉ áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E62)
- Sạch sẽ**

- Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn
Máng nước xả được phủ ion bạc ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả.

- Sử dụng động cơ quạt DC có thể điều chỉnh áp suất tính bên ngoài trong khoảng từ 50 Pa đến 150 Pa.



Cài đặt áp suất tính thấp khi ống gió ngắn Cài đặt áp suất tính cao cho các nhu cầu sử dụng cao hơn như khi sử dụng van gió và ống gió dài.

Luồng gió dễ chịu đạt được tùy vào các điều kiện như chiều dài ống gió.

- Chức năng điều chỉnh tự động lưu lượng gió
Kiểm soát lưu lượng gió bằng điều khiển từ xa trong quá trình chạy thử máy. Lưu lượng gió được điều chỉnh tự động đến xấp xỉ +/- 10% tốc độ gió cao.

- Điều khiển bằng khóa liên động.
Là một tính năng tiết kiệm điện năng, máy điều hòa không khí có thể được khóa lần với hệ thống cửa từ của khách sạn.

Với việc sử dụng hệ thống quản lý tòa nhà của bên thứ ba, việc tắt sáng và điều hòa không khí có thể điều khiển với cơ chế khóa liên động

* Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa

- Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET
Dễ dàng giao tiếp và kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm

Dễ bảo trì

- Vị trí chỗ mở máng nước xả được điều chỉnh giúp dễ dàng hơn trong việc kiểm tra.
 - Cửa sổ kiểm tra bảo dưỡng máng nước xả
Cửa sổ này giúp cho việc kiểm tra bụi bẩn bám vào máng nước xả và nhận biết sự thoát nước trong quá trình lắp đặt mà không cần sử dụng dụng cụ đồ nghề.
 - Bảo dưỡng dễ dàng vì máng nước xả có thể tháo rời
-

Hiệu suất cao

- Động cơ quạt một chiều và hệ thống bơm nước xả DC được sử dụng để tăng hiệu năng

Sáng khoái hơn với chức năng điều khiển luồng gió mới



Điều khiển BRC1E62 có thể tích hợp vào dàn lạnh

Phụ kiện tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa

(Điều khiển có dây)



BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

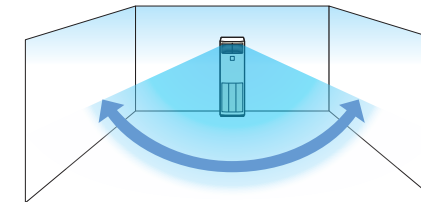
FVQ50/60/71/100/125/140C

Điều khiển luồng gió dễ chịu theo phong cách mới

1) Hướng thổi sang trái và phải (điều chỉnh bằng điều khiển từ xa)

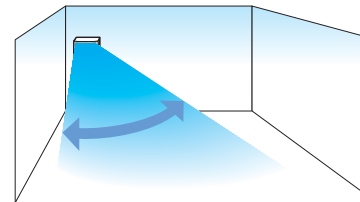
- Có thể chọn 3 kiểu đảo gió tự động để phù hợp với mỗi kiểu phòng.
(Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E62)

Kiểu 1 Đảo gió đồng đều phía trước



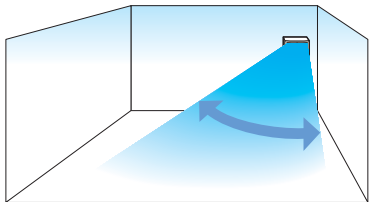
Khi máy được đặt ở giữa tường

Kiểu 2 Đảo gió sang bên trái



Khi máy được đặt ở góc phòng

Kiểu 3 Đảo gió sang bên phải



2) Hướng thổi lên xuống (chỉnh bằng tay)

- Đảo gió lên xuống độc lập nhanh chóng phân bổ nhiệt độ đồng đều trong phòng, giúp tiết kiệm điện năng

Tự do lựa chọn hướng đảo lên/xuống với 8 cánh hướng dòng (phương ngang)



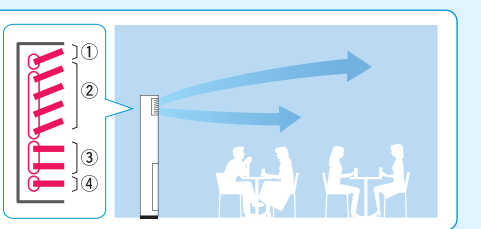
Thiết bị mới

- Cánh hướng dòng trên (1)
 - Cánh hướng dòng trên có khóa liên động (1)
 - Cánh hướng dòng dưới có khóa liên động (2)
 - Cánh hướng dòng dưới (1)
- Điều chỉnh các cánh hướng dòng ① đến ④ một cách độc lập.
(điều chỉnh bằng tay)

Ví dụ ứng dụng

Khí làm lạnh

Xoay cánh hướng dòng ① và ② hướng lên, đặt cánh hướng dòng ③ và ④ nằm ngang sẽ giúp tản đều nhiệt độ không khí trong phòng



Điều chỉnh tốc độ quạt tiện nghi

- Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Trung bình/Thấp và Tự động

(Chế độ "Tự động" chỉ áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E62)

- Có thể lựa chọn tốc độ gió tự động. Tốc độ gió sẽ tự động được điều chỉnh theo sự chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt.

- Chế độ Tốc độ quạt cao (áp dụng cho mẫu FVQ50-100)

Để lưu thông gió về phía góc cuối phòng, có thể tăng lưu lượng gió lên 5% hoặc 10% tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt của khách hàng (cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa).

- Chế độ "Khử ẩm"

Chế độ hút ẩm được kiểm soát bằng bộ vi xử lý để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột gây khó chịu.

Tiết kiệm năng lượng

- Động cơ quạt một chiều tăng hiệu suất hoạt động.

Vận hành êm ái

Dàn lạnh	Độ ồn			
	50/60/71C	100C	125C	140C
Cao	43	50	51	53
Trung bình	41	47	48	51
Thấp	38	44	46	48

Dễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng

- Dàn lạnh trọng lượng nhẹ

Trọng lượng nhẹ giúp dễ dàng vận chuyển và lắp đặt dàn lạnh. (kg)

Dàn lạnh	50/60/71C	100C	125C	140C
Trọng lượng	39		47	

- Phin lọc khí (tiêu chuẩn) có độ bền cao, sử dụng trong vòng 1 năm không cần bảo dưỡng*

Phin lọc này có thể rửa và tái sử dụng sau 1 năm.

* Đối với nơi có mật độ bụi 0.15 mg/m³

-Cài đặt hai khoảng thời gian (2500 giờ và 1250 giờ) sẵn có để phù hợp với môi trường lắp đặt. Thời gian bảo dưỡng khuyến cáo được hiển thị trên điều khiển từ xa (Tin hiệu lọc)

-Thời gian vệ sinh định kỳ phin lọc có thể rút ngắn tùy thuộc vào môi trường sử dụng.

- Áp dụng chức năng khóa an toàn cho lưới hút gió. Lưới hút gió không bao giờ mở ngay cả khi bị tác động mạnh.

- Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện tùy chọn.

Super Inverter

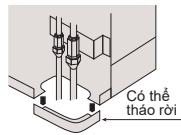
Dàn nóng nhỏ gọn



Đễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng

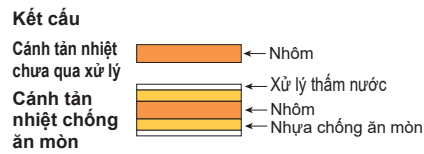
- Môi chất làm lạnh nạp sẵn lên đến 30 m. Nếu chiều dài ống môi chất làm lạnh không quá 30 m, không cần nạp thêm môi chất lạnh.
- Đường ống dài

- Đễ dàng bố trí nhờ đường ống 4 hướng nổi (dòng RZR100-140 và RZRQ(S)). Đễ dàng lắp đặt đường ống do có thể tháo rời mặt nạ bên ngoài để nối ống đằng trước, bên phải và đằng sau.
- Một phần của khung đáy dàn nóng có thể tháo rời giúp việc đi ống đễ dàng hơn.



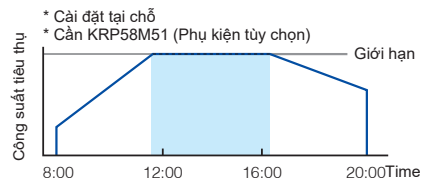
Độ bền

- Do kết cấu phần khung đáy đễ bị ăn mòn, các tấm thép galva chống ăn mòn đã đượ trang bị đễ tăng độ bền cho sản phẩm
- Cánh tản nhiệt dàn nóng đượ xử lý chống ăn mòn (dòng RZR50-71 và RZRQ(S))



Chức năng kiểm soát nhu cầu

- Bằng cách cài đặt các giới hạn tiêu thụ điện, bạn có thể cắt giảm chi phí cho các hóa đơn tiền điện (Dòng RZR100-140 và RZRQ(S)). Công suất tối đa đượ duy trì trong phạm vi công suất đã cài đặt, giúp tận hưởng luồng gió sáng khoái và kiểm soát hiệu quả các yêu cầu. Mức tiêu thụ điện tối đa có thể cài đặt là 40, 60, 70, 80 và 100%.



Chiều dài ống và chênh lệch độ cao cho phép

	RZR, RZQS, RZQ71L	RZQ100-140
Nạp sẵn ¹	30 m	
Chiều dài ống	50 m (Chiều dài tương đương 70 m)	75 m (Chiều dài tương đương 90 m)
Chênh lệch độ cao tối đa	30 m	

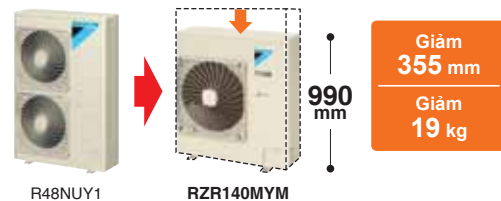
Lưu ý: ¹Nạp thêm môi chất làm lạnh nếu ống dẫn môi chất làm lạnh dài hơn chiều dài trên.

Gọn nhẹ

Công việc lắp đặt đượ giảm thiểu nhờ dàn nóng gọn nhẹ.

So sánh các dàn nóng

R48NUY1	MỚI RZR140MYM
Chiều cao 1,345 mm	990 mm
Khối lượng 92 kg	73 kg



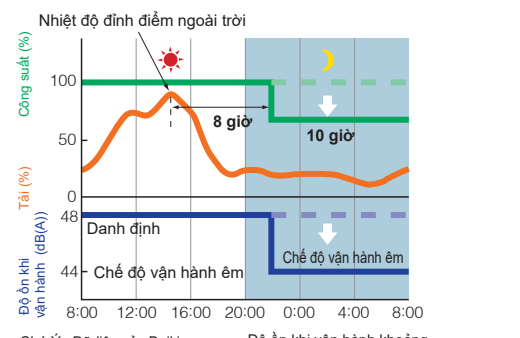
Chức năng vận hành êm vào ban đêm

- Chế độ tự động vận hành êm vào ban đêm sẽ khởi động 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đỉnh điểm vào ban ngày, sau đó sẽ trở lại chế độ vận hành bình thường trong vòng 10 tiếng

★ Giảm tiếng ồn sẽ làm giảm công suất.

Lưu ý: ¹Giá trị quy đổi phòng không đối âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong quá trình vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh. ²Giá trị khi làm lạnh. Giá trị sẽ thay đổi khi sưởi.

Một chiều lạnh	Hai chiều lạnh/sưởi	Độ ồn ¹ (dB(A))	
		Danh định ²	Chế độ vận hành êm vào ban đêm
RZR50/60/71MVMV	RZQS50/60A	48	44
RZR100 MVM/MYM	RZQ71L/100HA	49	45
—	RZQ125HA	50	45
—	RZQ140HA	50	46
—	RZQ100/125L	51	47
RZR125 MVM/MYM	—	52	45
RZR140 MVM/MYM	—	54	45
—	RZQ140L	54	50

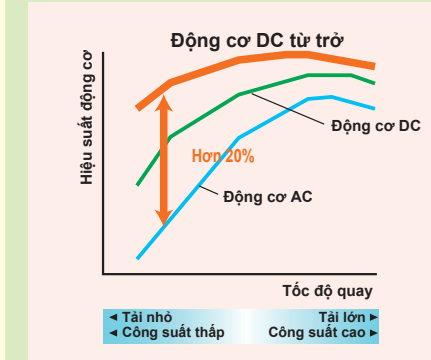


Công nghệ tiết kiệm năng lượng

Máy nén có hiệu suất cao đượ cải tiến đễ đạt chỉ số COP cao và năng suất lớn hơn

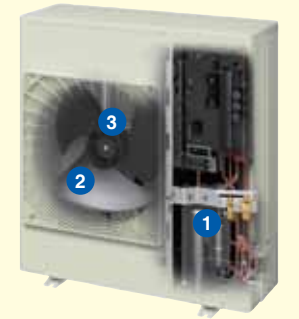
1 Máy nén xoắn ốc DC từ trở

Dòng sản phẩm biến tần DC của Daikin đượ trang bị máy nén xoắn ốc DC từ trở. Máy nén xoắn ốc DC từ trở sử dụng 2 loại mô-men khác nhau: Nam châm Neodym*1 và mô-men từ trở*2. Động cơ này tiết kiệm năng lượng vì trong quá trình hoạt động nó cần ít điện năng nhưng vẫn sản sinh ra công suất lớn hơn động cơ AC và động cơ DC truyền thống



*1. Nam châm Neodym mạnh xấp xỉ gấp 10 lần so với nam châm ferrite tiêu chuẩn.
*2. Mô-men đượ tạo ra do sự thay đổi năng lượng giữa sắt và các bộ phận của nam châm.

Chú Ý: Dữ liệu dựa trên kết quả nghiên cứu trong điều kiện có kiểm soát tại phòng thí nghiệm của Daikin.



RZR50-140M, RZQS50/60A, RZQ71/100L

>> Máy nén swing
Tiết kiệm năng lượng, ngăn ngừa ma sát và rò rỉ khí môi chất lạnh.

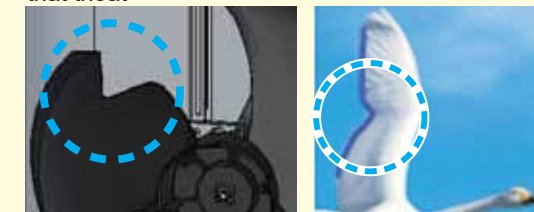
RZQ125/140L, RZQ100-140HA

>> Cấu trúc dạng xoắn ốc
Gió hút sẽ đượ nén trong bộ phận xoắn ốc trước động cơ làm nóng, máy sẽ nén khí tạo ra lực nén có hiệu suất cao.

2 Quạt

Cánh quạt chân vịt có khóa chữ V (RZR50-71M)

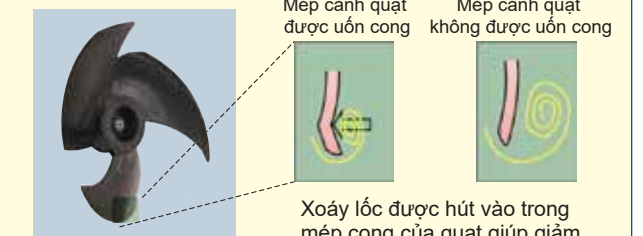
Việc sử dụng cánh quạt chân vịt có khóa chữ V mô phỏng hiệu suất hoạt động của cánh loài thiên nga, điều này giúp cho lượng gió đều và không bị thất thoát



Ø550 Cánh quạt chân vịt có khóa chữ V. Mô phỏng hoạt động của loài thiên nga.

Quạt xoắn ốc (RZR100-140M, RZQ series)

Cánh của quạt xoắn ốc đượ uốn cong ở mép đễ giảm độ ồn khi hoạt động.

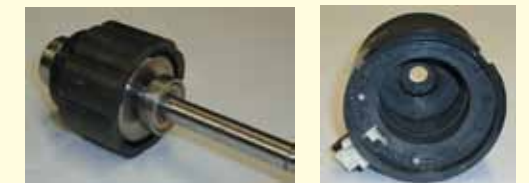


Xoáy lốc đượ hút vào trong mép cong của quạt giúp giảm độ ồn.

3 Động cơ quạt một chiều DC

Hiệu suất đượ cải thiện về mọi mặt so với động cơ xoay chiều, đặc biệt khi tốc độ thấp.

Cấu tạo động cơ quạt một chiều.



Điều khiển từ xa với màn hình LCD dễ đọc có cấu hình điều

Phụ kiện tùy chọn cho điều khiển từ xa được nêu ở trang giới thiệu các loại dàn lạnh

Bộ điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển có dây)

MỚI

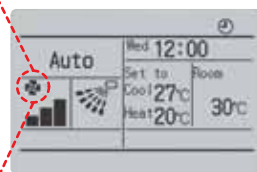
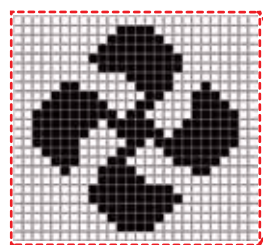


BRC1E62

Điều khiển từ xa có thiết kế đơn giản nhưng hiện đại, lớp vỏ màu trắng sáng hài hòa với nội thất trong phòng. Thao tác bằng điều khiển từ xa vô cùng đơn giản, tiện lợi, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên điều khiển từ xa.

Màn hình dễ nhìn

Màn hình ma trận điểm
Tổ hợp điểm chấm trên màn hình có thể hiển thị nhiều ký tự khác nhau. Màn hình có chữ lớn rất dễ nhìn.



Màn hình có đèn nền

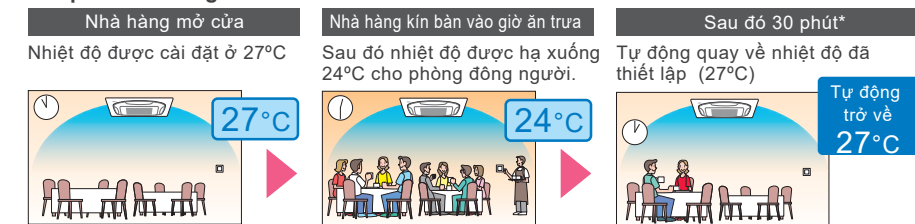


Tiết kiệm năng lượng

MỚI Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt

- Ngay khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt sẵn sẽ tự động được thiết lập sau khoảng thời gian cài đặt sẵn
- Có thể lựa chọn khoảng thời gian từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút.

Ví dụ về nhà hàng

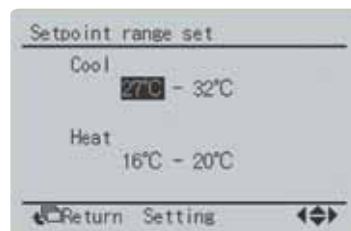


Hẹn giờ tắt (đã được lập trình)

- Cài đặt và lưu cài đặt trong từng khoảng thời gian để tự động tắt điều hòa sau khi cài đặt thời gian khởi động
- Thời gian được cài đặt sẵn có thể từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

MỚI Cài đặt biên độ nhiệt độ

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ tối thiểu và tối đa.
- Tránh nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh.
- Chức năng này rất tiện lợi nếu có thể lắp điều khiển từ xa ở nơi mà mọi người đều có thể thao tác.



Tiện nghi

Lập lịch hàng tuần

- 5 hoạt động một ngày có thể được cài đặt cho từng ngày trong tuần.
- Chức năng ngày nghỉ sẽ tắt chế độ hẹn giờ đối với những ngày được cài đặt là ngày nghỉ.
- Có thể cài đặt 3 chế độ lập lịch độc lập. (Ví dụ: mùa hè, mùa đông, giữa mùa)

Schedule nr 1	Time	Act	Cool	Heat
Mon	8:30	ON	25°C	—°C
	10:00	OFF	—°C	—°C
	13:00	ON	25°C	—°C
	15:00	OFF	—°C	—°C

Hiển thị đa ngôn ngữ

Hiển thị 11 ngôn ngữ.
(Tiếng Anh, Tiếng Đức, Tiếng Pháp, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Hy Lạp, Tiếng Hà Lan, Tiếng Nga, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Ba Lan).

Điều khiển hệ thống phong phú và có thể điều khiển nhiều dàn lạnh

Điều khiển từ xa LCD có dây

Dễ đọc với màn hình LCD rộng.



BRC1C61

- Công tắc được làm bằng cao su cùng lớp vỏ nhựa chống dầu giúp bảo vệ và tăng độ bền thiết bị.
- Chỉ dày 17 mm, có thể lắp chìm hoặc lắp nổi.

Điều khiển từ xa có dây được tích hợp bộ cảm biến nhiệt.

(Áp dụng cho điều khiển từ xa có dây (BRC1C61/1E62))
● Cho phép dò nhiệt độ gần khu vực mục tiêu để tăng cường sự sáng khoái (khi sử dụng điều khiển từ xa từ một phòng khác, phải chọn bộ cảm biến nhiệt đặt trong lỗ hút gió của dàn lạnh).

Dễ dàng bảo dưỡng và sửa chữa

● Có thể thực hiện các cài đặt ban đầu bằng điều khiển từ xa. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, có thể cài đặt loại dàn cassette âm trần từ xa mà không cần dùng thang để cài đặt bằng tay.

Nội dung cài đặt: Sử dụng trần cao, hướng gió, loại phin lọc, địa chỉ điều khiển trung tâm (địa chỉ điều khiển cụm được cài đặt tự động).

Điều khiển từ xa không dây



Điều khiển từ xa không dây

BRC7F635F

Bộ thu nhận tín hiệu (dùng cho loại dàn cassette âm trần)

- Điều khiển từ xa cung cấp kèm theo bộ thu nhận tín hiệu.
- Bộ thu nhận tín hiệu lắp trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
- Hình dạng của bộ thu nhận tín hiệu sẽ thay đổi tùy thuộc vào dàn lạnh.

Lưu ý: Bộ phận thu tín hiệu trong hình bên là loại gắn trong mặt nạ trang trí của dàn cassette âm trần.

● Điều khiển từ xa có tên sản phẩm và được trang bị chức năng hiển thị lỗi để hỗ trợ công tác bảo trì trong trường hợp thiết bị hỏng. (Chức năng hiển thị tên sản phẩm chỉ áp dụng cho điều khiển BRC1E62)

SkyAir dùng chung điều khiển với HRV (sản phẩm thông gió thu hồi nhiệt) và các loại máy điều hòa khác của Daikin, do đó việc vận hành khóa liên động trở nên đơn giản.

● Dễ dàng thích nghi với hệ thống điều khiển từ xa trung tâm với chức năng nâng cao và độ phủ sóng trên diện rộng. Việc lắp đặt và nối dây điều khiển giữa SkyAir và các thiết bị điều hòa khác của Daikin trở nên dễ dàng.

Điều khiển từ xa không dây dành cho các loại dàn lạnh khác nhau

	Một chiều lạnh	Hai chiều lạnh/sưởi
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN	BRC7F635F	BRC7F634F
DÀN LẠNH ÁP TRẦN	BRC7GA56	BRC7GA53
DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	BRC4C66	BRC4C65

Màn hình LCD hiển thị trạng thái vận hành bằng chữ, số và hình động

- Hiển thị luồng gió/đào gió**
- Hiển thị nhiệt độ/chế độ vận hành cài đặt trước**
- Hiển thị thời gian lập trình**
- Chức năng tự động chẩn đoán**

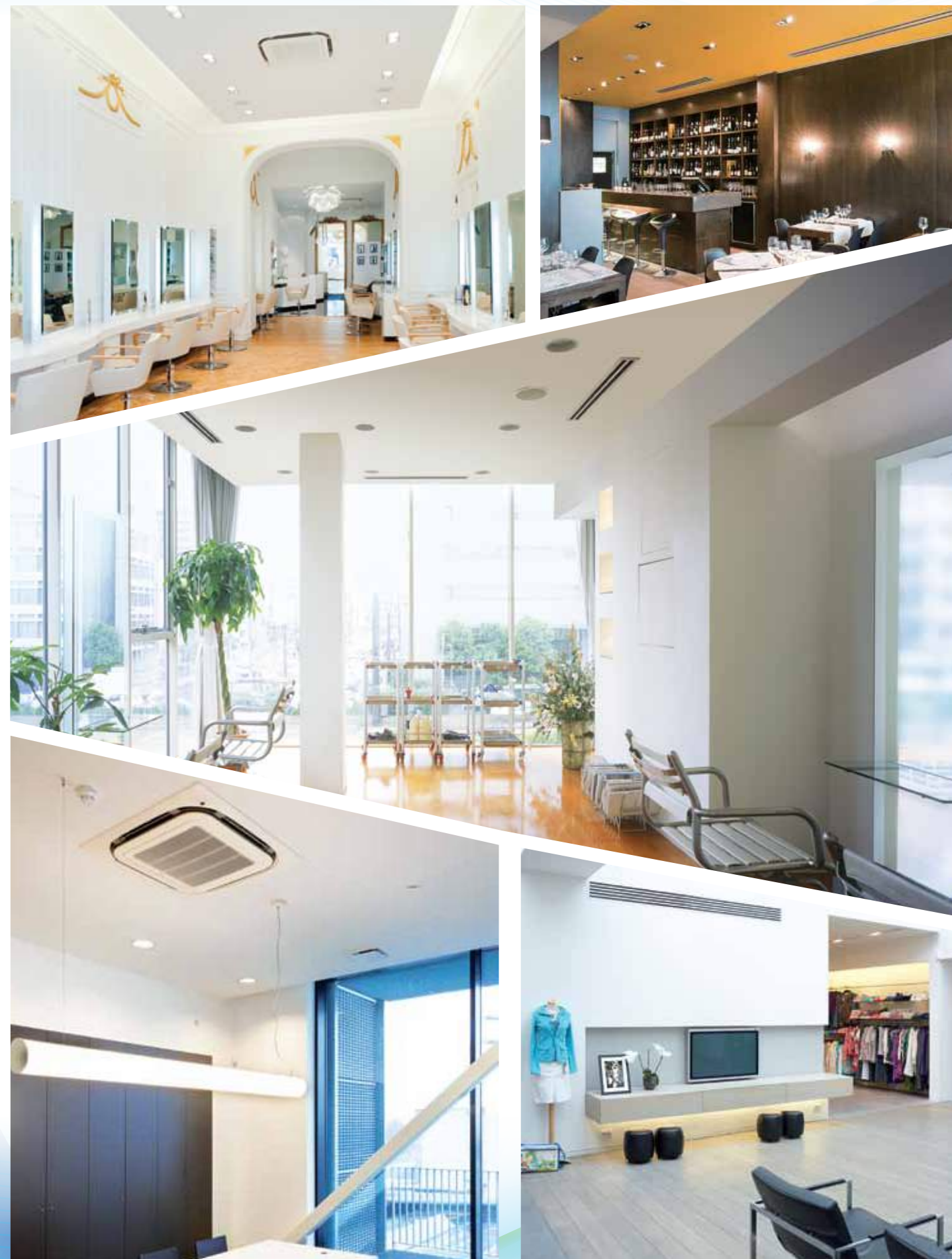
Hiển thị trạng thái vận hành đảo gió tự động và vị trí cài đặt cho góc thổi gió.
Hiển thị nhiệt độ trong phòng và trạng thái cài đặt trước (quạt, làm khô, làm lạnh).
Có thể cài đặt thời gian khởi động và tắt máy cho mỗi bộ hẹn giờ trong vòng 72 giờ. Màn hình LCD cũng hiển thị thời điểm cần vệ sinh bộ lọc, khi thiết bị trung tâm đang thay đổi cài đặt và thời điểm cần vệ sinh hệ thống thông gió.
Kiểm soát trạng thái vận hành trong phạm vi hệ thống bao gồm 40 hạng mục và hiển thị cảnh báo khi hệ thống có sự cố.

Hệ thống đa dạng điều khiển nhiều loại dàn lạnh

	Kiểu điều khiển	Điều khiển từ xa có dây	Điều khiển từ xa không dây
Điều khiển bằng một bộ điều khiển từ xa	Hệ thống cơ bản	 ● Lỗi kép, không phân cực (chiều dài dây tối đa 500m)	 ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên dàn lạnh.
Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Dùng cho điều khiển từ 2 vị trí như phòng và phòng điều khiển, lối ra...	 ● Nói 2 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 1)	 ● Điều khiển bằng 1 bộ điều khiển từ xa không dây và 1 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 2.3) ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên dàn lạnh
Điều khiển nhóm	Dùng cho điều khiển đồng thời 16 dàn lạnh	 ● Chức năng cài đặt địa chỉ tự động	 ● Chức năng cài đặt địa chỉ tự động ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên 1 dàn lạnh
Điều khiển bằng lệnh ngoại vi	Vận hành và giám sát bằng tín hiệu từ hộp điều khiển vận hành tại phòng giám sát (an ninh) của tòa nhà.	 (Lệnh ngoại vi) ● Cần có bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện	 (Lệnh ngoại vi) ● Cần có bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện
Điều khiển trung tâm từ xa	Điều khiển trung tâm đến 64 dàn lạnh từ khoảng cách xa đến 1 km	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn)	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn)
Điều khiển liên động với HRV	Kết nối thông qua điều khiển nhóm sử dụng điều khiển từ xa	 Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Có thể vận hành đồng thời hoặc độc lập bằng điều khiển từ xa (cài đặt bằng chế độ thông gió)	 Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Có thể vận hành đồng thời hoặc độc lập bằng điều khiển từ xa (cài đặt bằng chế độ thông gió)
	Điều khiển kết nối vùng bằng phương pháp điều khiển trung tâm	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (Phụ kiện tùy chọn) Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động. Cũng có thể vận hành độc lập bằng điều khiển từ xa	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (Phụ kiện tùy chọn) Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động.

Lưu ý: ¹ Điều khiển BRC1E62 chỉ có thể kết nối với điều khiển BRC1E62. ² Không thể sử dụng hai điều khiển từ xa không dây. ³ Điều khiển BRC1E62 không thể kết nối với điều khiển từ xa không dây.

Bất kể không gian nào, hãy mang đến sự thoải mái tiện nghi xứng tầm.



Đễ dàng thích ứng với hệ thống điều khiển trung tâm với chức năng cao cấp và trên phạm vi rộng

Điều khiển từ xa trung tâm

DCS302CA61
(Phụ kiện tùy chọn)



Điều khiển trung tâm, cài đặt đơn giản giống như điều khiển từ xa tiêu chuẩn, lên đến 64 nhóm (1,024 dàn lạnh).

Điều khiển Bật/Tắt đồng nhất

DCS301BA61
(Phụ kiện tùy chọn)



Điều khiển trung tâm bật/tắt theo nhóm hay đồng thời cho cả 256 dàn lạnh.

Bộ lập trình thời gian

DST301BA61
(Phụ kiện tùy chọn)



Điều khiển đồng nhất lịch trình hàng tuần cho 1,024 dàn lạnh. Bộ lập trình thời gian cài đặt bật/tắt trong 1 phút, các thiết bị sẽ đồng thời thực hiện 2 lần một ngày trong vòng 1 tuần.

Intelligent Controller

DCS601C51
(Phụ kiện tùy chọn)



Với nhiều chức năng nâng cao, hệ thống điều khiển bằng hình ảnh màu "tất cả trong một" hỗ trợ quản lý hệ thống SkyAir bằng nhiều cách.









Tổng quan về các tính năng

Một chiều lạnh

Hai chiều lạnh/sưởi

Dàn lạnh

Dàn nóng

		DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN (Thổi đa hướng)	DÀN LẠNH ÁP TRẦN	DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG ĐẠT SÀN	DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN (Thổi đa hướng)	DÀN LẠNH ÁP TRẦN	DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG ĐẠT SÀN
		 FCQ50-140KAVEA	 FHQ50-140DAVMA	 FBQ50-140EVE	 FVQ50/60CVE FVQ71-140CVEB	 FCQ50-140KAVEA	 FHQ50-140DAVMA	 FBQ50-140EVE	 FVQ50/60CVE FVQ71-140CVEB
		RZR50-140MVM(V) RZR100-140MYM	RZR50-140MVM(V) RZR100-140MYM	RZR50-140MVM(V) RZR100-140MYM	RZR50-140MVM(V) RZR100-140MYM	RZQS50/60AV1 RZQ71-140LV1 RZQ100-140HAY4A	RZQS50/60AV1 RZQ71-140LV1 RZQ100-140HAY4A	RZQS50/60AV1 RZQ71-140LV1 RZQ100-140HAY4A	RZQS50/60AV1 RZQ71-140LV1 RZQ100-140HAY4A
Tiện nghi	Đảo gió tự động	●	●		●	●	●		●
	Lựa chọn kiểu đảo gió	●				●			
	Chức năng ngăn gió lùa (chiều sưởi)					●	●		
	Thổi gió lên/xuống độc lập				●				●
	Động cơ quạt DC (dàn lạnh)	●	●	●	●	●	●	●	●
	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 3 bước
	Điều chỉnh lượng gió tự động			● *3	● *3			● *3	● *3
	Chế độ quạt tốc độ cao				● *5				● *5
	Chế độ Khử ẩm	●	●	●	●	●	●	●	●
	Ứng dụng cho các trần nhà cao	●	● *6			●	● *6		
	Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn *1	●	●	●	●	●	●	●	●
	Khởi động nóng					●	●	●	●
	Ứng dụng làm lạnh quanh năm					●	●	●	●
Vận hành êm vào ban đêm *2	●	●	●	●	●	●	●	●	
Điều khiển từ xa	Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt *3	●	●	●	●	●	●	●	●
	Cài đặt biên độ nhiệt độ *3	●	●	●	●	●	●	●	●
	Lập lịch hàng tuần *3	●	●	●	●	●	●	●	●
	Hẹn giờ tắt (đã được lập trình) *3	●	●	●	●	●	●	●	●
	Hẹn giờ Bật/Tắt *4	●	●	●	●	●	●	●	●
Vệ sinh	Phin lọc kháng khuẩn	●	●	● *7	●	●	●	● *7	●
	Phin lọc chống mốc								
	Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn	●		●		●		●	
	Máng nước xả chống mốc								
Vận hành & bảo trì sửa chữa	Hệ thống bơm nước xả	●	● *7	●		●	● *7	●	
	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 30 m *2	●	●	●	●	●	●	●	●
	Phin lọc siêu bền	●	●	● *7	●	●	●	● *7	●
	Tín hiệu lọc	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chức năng ngăn bám bẩn trần nhà	●				●			
	Phát hiện áp suất gas thấp *2	●	●	●	●	●	●	●	●
	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	●	●	●	●	●	●	●	●
	Chức năng tự chẩn đoán	●	●	●	●	●	●	●	●
Tính năng điều khiển	Tự khởi động lại	●	●	●	●	●	●	●	●
	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi					●	●	●	●
	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	●	●	●	●	●	●	●	●
	Điều khiển nhóm bằng 1 bộ điều khiển từ xa	●	●	●	●	●	●	●	●
	Điều khiển theo lệnh ngoại vi	● *7	● *7	● *7	● *7	● *7	● *7	● *7	● *7
	Điều khiển trung tâm từ xa	●	●	●	●	●	●	●	●
	Điều khiển khóa liên động với HRV	●	●	●	●	●	●	●	●
	Giao tiếp DIII-NET tiêu chuẩn	●	●	●	●	●	●	●	●
Tùy chọn	Phin lọc hiệu suất cao	●		●		●		●	
	Phin lọc siêu bền	●				●			
	Bộ nạp gió tươi	●	●			●	●		
Chức năng khác	Dàn trao đổi nhiệt chống ăn mòn *2	● *8	● *8	● *8	● *8	●	●	●	

Lưu ý: *1 : Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây
*2 : Áp dụng cho các dàn nóng

*3 : Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E62
*4 : Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1C61

*5 : Áp dụng cho dòng FVQ50-100
*6 : Có thể lắp đặt độ cao trần tối đa 3.5 m (50-71) và 4.3m (100 - 140)

*7 : Tùy chọn
*8 : Chỉ áp dụng cho dòng RZR50-71

Các tính năng phong phú mang lại môi trường điều hòa không khí tiện nghi cho các cửa hàng và văn phòng

• Lưu ý: Một số chức năng chỉ có ở một số dòng sản phẩm nhất định. Xin tham khảo danh mục chức năng đầy đủ của mỗi loại dàn lạnh ở các trang giới thiệu tổng quan tính năng.

Tiện nghi

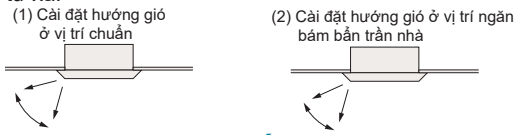
Đào gió tự động

Mang lại không khí điều hòa dễ chịu cho mọi khu vực gần và xa máy điều hòa.

■ Có thể cố định hướng thổi gió tại góc mong muốn bằng điều khiển từ xa.

Lựa chọn kiểu đảo gió

Bạn có thể cài đặt hướng thổi gió tùy thích bằng điều khiển từ xa.



Chức năng chống gió lùa (chiều xuôi)

Để ngăn các luồng gió lạnh, tự động điều chỉnh luồng gió theo phương nằm ngang khi chế độ sưởi ấm bắt đầu hay khi cảm biến nhiệt tắt.

Đào gió lên xuống độc lập

Cho phép điều chỉnh độc lập bằng tay 8 cánh đảo gió theo hướng lên xuống để lưu thông đồng đều không khí trong phòng.

Động cơ quạt DC (dàn lạnh)

Động cơ quạt DC giúp tăng hiệu suất.

Tốc độ quạt có thể điều chỉnh

Cài đặt tốc độ cao để tận hưởng luồng gió mạnh tối đa và cài đặt tốc độ thấp để giảm thiểu sức gió thổi vào người.

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió theo chênh lệch nhiệt độ giữa nhiệt độ trong phòng và nhiệt độ cài đặt.

Chế độ quạt tốc độ cao

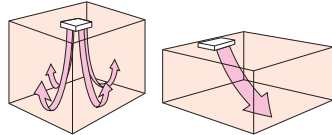
Có thể tăng tốc độ quạt lên khoảng 10% so với cài đặt tốc độ quạt "cao".

Chế độ "Khử ẩm"

Chế độ Khử ẩm được điều khiển bằng bộ vi xử lý để tránh nhiệt độ không khí thay đổi đột ngột gây khó chịu. Chức năng này hữu ích do có thể giảm độ ẩm mà không cần điều chỉnh nhiệt độ phòng.

Ứng dụng cho trần cao

Giúp lưu thông gió theo các hướng đến mặt sàn tạo cảm giác dễ chịu ở những nơi có trần cao và sử dụng máy điều hòa.



Lưu ý: Khi các máy điều hòa được lắp đặt trên trần cao, tùy thuộc vào từng loại máy mà có thể bị hạn chế một số chức năng liên quan đến độ cao tối đa, hướng thổi gió và lựa chọn các thiết bị phù hợp.

Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn

Cả dàn lạnh và điều khiển từ xa có dây đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt độ gần hơn với nhiệt độ phòng giúp tăng cảm giác dễ chịu.

● Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều hòa được điều khiển từ một phòng khác.

Chú Ý: Điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt



Khởi động nóng

Tránh luồng gió lạnh khi khởi động chế độ sưởi hoặc chuyển sang chế độ sưởi sau khi xả đá.

Ứng dụng làm lạnh quanh năm

Làm lạnh hiệu quả ngay cả khi vào mùa đông khi nhiệt độ trong nhà cao hơn nhiệt độ ngoài trời, ví dụ như trong các khu vực công cộng ngầm dưới đất hoặc văn phòng có nhiều máy tính.

Vận hành êm vào ban đêm

Chế độ vận hành êm tự động vào ban đêm sẽ khởi động sau 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đỉnh điểm vào ban ngày và trở lại chế độ hoạt động bình thường 10 tiếng sau đó.

Điều khiển từ xa

Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt

Ngay cả khi nhiệt độ thay đổi, nhiệt độ được cài đặt mới sẽ trở lại giá trị đã cài đặt trước sau khoảng thời gian đã được thiết lập.

Cài đặt biên độ nhiệt độ

Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ tối thiểu và tối đa. Tránh cài đặt nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh.

Lập lịch hàng tuần

Có thể lập trình đến năm cơ chế BẬT/TẮT hàng ngày. Không chỉ cài đặt được thời gian mở máy mà còn cài đặt được nhiệt độ.

Hẹn giờ Tắt (đã được lập trình sẵn)

Cài đặt và lưu cài đặt trong từng khoảng thời gian để tự động tắt điều hòa sai khi cài đặt thời gian khởi động máy.

Hẹn giờ Bật/Tắt

Dàn sẽ vận hành khi thời gian thiết lập ở chế độ hẹn giờ Bật và ngừng vận hành khi thời gian thiết lập ở chế độ hẹn giờ Tắt.

Vệ sinh

Phin lọc kháng khuẩn

Phin lọc có lớp kháng khuẩn giúp ngăn sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc.

Phin lọc chống nấm mốc

Phin lọc vệ sinh có được xử lý để chống nấm mốc.

Máng nước xả kháng khuẩn chứa ion bạc

Máng nước xả kháng khuẩn chứa các ion bạc giúp ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn, nấm mốc gây mùi và tắc nghẽn máng xả.

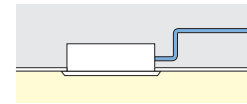
Máng xả chống mốc

Máng xả chống mốc ngăn ngừa sự sinh sôi của nấm mốc trong điều kiện độ ẩm cao.

Vận hành & bảo trì sửa chữa

Hệ thống bơm nước xả

Độ dốc lớn hơn đảm bảo dẫn nước xả hiệu quả hơn. Độ cao đặc biệt có ích khi sử dụng ống xả dài



Môi chất lạnh nạp sẵn đến 30 m

Nếu chiều dài ống dẫn môi chất lạnh không quá 30 m thì không cần nạp thêm.

*Áp dụng cho dòng RZR.

Phin lọc có độ bền cao

Không cần bảo dưỡng trong một năm*. Phin lọc này có thể rửa và tái sử dụng.

*Sử dụng khi mật độ bụi 0.15 mg/m³

Tín hiệu lọc

Tín hiệu lọc nhắc nhở người sử dụng về thời điểm cần vệ sinh bộ lọc.

*Khi sử dụng điều khiển từ xa có dây thì tín hiệu lọc sẽ hiển thị trên màn hình LCD. Khi sử dụng điều khiển từ xa không dây thì đèn tín hiệu lọc sẽ phát sáng theo chu kỳ tín hiệu.

Các đặc tính điều khiển

Tự khởi động lại

Nếu mất điện khi thiết bị đang hoạt động thì khi có điện trở lại, máy sẽ khởi động lại chế độ vận hành như trước thời điểm mất điện.

Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi

Khi phát hiện có sự chênh lệch nhiệt độ thực tế trong phòng và nhiệt độ cài đặt trước thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ làm lạnh hoặc sưởi phù hợp.

Điều khiển bằng 2 điều khiển từ xa

Sử dụng 2 điều khiển từ xa để vận hành thiết bị tại chỗ hoặc từ một vị trí xa thiết bị.

Lưu ý: Khi sử dụng loại điều khiển từ xa không dây thì không thể điều khiển hệ thống bằng 2 điều khiển từ xa

Điều khiển nhóm bằng 1 điều khiển từ xa

Người sử dụng có thể bật/tắt 16 dàn lạnh cùng lúc bằng một điều khiển từ xa duy nhất. (khi sử dụng các dàn lạnh được kết nối với nhau thì các cài đặt phải giống nhau và việc bật/tắt sẽ thực hiện đồng thời).

Chế độ chống bám bẩn trần nhà

Cơ chế thổi khí cải tiến của Daikin phân tán luồng gió cách xa trần. Do đó không cần phải vệ sinh trần nhà thường xuyên.

Chức năng phát hiện áp suất gas thấp

Thông thường rất khó phát hiện tình trạng nạp không đủ môi chất lạnh. Trong quá trình chạy thử sau khi lắp đặt và kiểm tra định kỳ, mức nạp môi chất làm lạnh được kiểm soát bằng một vi xử lý để duy trì áp suất khí đảm bảo độ tin cậy và giúp cho việc kiểm tra và bảo dưỡng thực hiện nhanh hơn.

Vận hành trong trường hợp khẩn cấp

Ngay cả khi máy gặp trục trặc nào đó trong hệ thống, quạt hay máy nén vẫn sẽ hoạt động (tùy thuộc vào sự cố máy gặp phải là gì)

Chức năng tự chẩn đoán

Các thông số vận hành của dàn nóng và dàn lạnh cùng với dữ liệu của bộ cảm biến nhiệt ở các vị trí trọng yếu của hệ thống được kiểm soát liên tục bởi một máy tính siêu vi. Để có thể phản ứng nhanh khi gặp một sự cố nào đó, một thông báo sẽ hiển thị trên màn hình LCD của điều khiển từ xa và một đèn LED trên dàn sẽ phát sáng.

Phụ kiện tùy chọn

Phin hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%

Phin lọc siêu bền

Không cần bảo dưỡng trong khoảng 4 năm* (10.000 giờ) ở các cửa hàng và văn phòng.

* Đối với mật độ bụi 0.15 mg/m³

Bộ nạp gió tươi

Người dùng có thể lấy gió sạch cho máy điều hòa từ bên ngoài. Phụ kiện này tiện lợi ở những nơi không thể lắp quạt thông gió.

Tùy chọn khác

Dàn trao đổi nhiệt chống ăn mòn

Để nâng cao tuổi thọ máy bằng cách tăng cường chống ăn mòn do muối và không khí bẩn, dàn nóng được trang bị bộ trao đổi nhiệt chống ăn mòn được bảo vệ đặc biệt. Trong các môi trường ăn mòn cao thì cần bảo dưỡng thường xuyên.



DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

Một chiều lạnh

Tên sản phẩm	Dàn lạnh		50	60	71	100	125	140	100	125	140						
	Dàn nóng		RZR50MVMV	RZR60MVMV	RZR71MVMV	RZR100MVM	RZR125MVM	RZR140MVM	RZR100MYM	RZR125MYM	RZR140MYM						
Nguồn điện	Dàn nóng		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz						3 Pha, 380-415 V, 50 Hz								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	Btu/h	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)						
			17,100 (7,900-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)						
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.24	1.58	1.99	2.78	4.31	5.62	2.78	4.31	5.62						
COP	W/W		4.03	3.80	3.57	3.60	2.90	2.49	3.60	2.90	2.49						
CSPF	Wh/Wh		6.47	6.19	5.99	5.13	5.00	4.85	5.13	5.00	4.85						
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị	Mặt nạ trang trí														
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	Màu trắng sáng														
		cfm	21/17.5/13.5	32/26/20			33/28/22.5			32/26/20			33/28/22.5				
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	741/618/477			1,130/918/706			1,165/988/794			1,130/918/706			1,165/988/794		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	Thiết bị	mm														
	Trọng lượng máy	Thiết bị	mm														
		Mặt nạ trang trí	kg														
	Dải hoạt động	°CWB	5.5														
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà														
		Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm					Micro channel								
Máy nén		Loại	Swing dạng kín														
		Công suất động cơ	kW	1.12	1.35	1.76	2.03			1.92							
Mức nạp môi chất lạnh (R-410A)		kg	1.6 (Đã nạp cho 30 m)					1.9 (Đã nạp cho 30 m)									
Độ ồn ³		Làm lạnh	dB(A)	48			49			52			54				
		Chế độ vận hành ban đêm	dB(A)	44													
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		Thiết bị	mm					mm									
Trọng lượng máy		Thiết bị	kg					kg									
		Mặt nạ trang trí	°CWB														
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5														
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9														
	Ống xả	Dàn lạnh	mm														
		Dàn nóng	mm														
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)															
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30															
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng																

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.



DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Một chiều lạnh

Tên sản phẩm	Dàn lạnh		50	60	71	100	125	140	100	125	140				
	Dàn nóng		RZR50MVMV	RZR60MVMV	RZR71MVMV	RZR100MVM	RZR125MVM	RZR140MVM	RZR100MYM	RZR125MYM	RZR140MYM				
Nguồn điện	Dàn nóng		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz						3 Pha, 380-415 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	Btu/h	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)				
			17,100 (7,900-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)				
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.24	1.58	2.37	3.03	4.42	5.55	3.03	4.42	5.55				
COP	W/W		4.03	3.80	3.00	3.30	2.83	2.52	3.30	2.83	2.52				
CSPF	Wh/Wh		6.18	5.99	5.74	5.01	4.99	4.69	5.01	4.99	4.69				
Dàn lạnh	Màu sắc	Mặt nạ trang trí													
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	Màu trắng sáng												
		cfm	15/12/10	20.5/17/14	28/24/20	31/27/23	34/29/24	28/24/20	31/27/23	34/29/24					
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	530/424/353	724/600/494	988/847/706	1,094/953/812	1,200/1,024/847	988/847/706	1,094/953/812	1,200/1,024/847					
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	Thiết bị	mm					mm							
	Trọng lượng máy	Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà												
		Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm					Micro channel						
		Máy nén	Loại	Swing dạng kín											
Công suất động cơ			kW	1.12	1.35	1.76	2.03			1.92					
Mức nạp môi chất lạnh (R-410A)		kg	1.6 (Đã nạp cho 30 m)					1.9 (Đã nạp cho 30 m)							
Độ ồn ³		Làm lạnh	dB(A)	48			52			54			54		
		Chế độ vận hành ban đêm	dB(A)	44											
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		Thiết bị	mm					mm							
Trọng lượng máy		Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5												
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9												
	Ống xả	Dàn lạnh	mm												
		Dàn nóng	mm												
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)													
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30													
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng														

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.

DÀN LẠNH NỔI GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH

Một chiều lạnh



Tên sản phẩm	Dàn lạnh		50	60	71	100	125	140	100	125	140				
	Dàn nóng		RZR50MVMV	RZR60MVMV	RZR71MVMV	RZR100MVM	RZR125MVM	RZR140MVM	RZR100MYM	RZR125MYM	RZR140MYM				
Nguồn điện	Dàn nóng		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz						3 Pha, 380-415 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	Btu/h	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)				
			17,100 (7,900-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)				
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.39	1.69	2.22	2.82	4.58	5.85	2.82	4.58	5.85				
COP	W/W		3.60	3.56	3.20	3.55	2.73	2.39	3.55	2.73	2.39				
CSPF	Wh/Wh		5.40	5.20	5.04	4.73	4.61	4.38	4.73	4.61	4.38				
Dàn lạnh	Màu sắc	Mặt nạ trang trí													
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	Màu trắng sáng												
		cfm	18/15/12.5	23/19.5/16	32/27/22.5	36/30.5/25	32/27/22.5	36/30.5/25							
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	635/530/441	812/688/565	1,130/953/794	1,271/1,077/883	1,130/953/794	1,271/1,077/883							
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	Thiết bị	mm					mm							
	Trọng lượng máy	Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà												
		Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm					Micro channel						
		Máy nén	Loại	Swing dạng kín											
Công suất động cơ			kW	1.12	1.35	1.76	2.03			1.92					
Mức nạp môi chất làm lạnh (R-410A)		kg	1.6 (Đã nạp cho 30 m)					1.9 (Đã nạp cho 30 m)							
Độ ồn ³		Làm lạnh	dB(A)	48			49			52			54		
		Chế độ vận hành ban đêm	dB(A)	44											
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		Thiết bị	mm					mm							
Trọng lượng máy		Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5												
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9												
	Ống xả	Dàn lạnh	mm												
		Dàn nóng	mm												
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)													
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30													
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng														

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19° CWB; nhiệt độ ngoài trời 35° CDB, 24° CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Áp suất tính bên ngoài có thể thay đổi theo 11 mức độ bằng điều khiển từ xa.
⁴Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.
⁵Phin lọc khí không phải là phụ kiện tiêu chuẩn phải có, nhưng khuyến cáo gắn bộ phận này vào hệ thống ống nối gió ở phía hút gió. Chọn hiệu suất lọc bụi (phương pháp trọng lực) 50% hoặc hơn.



DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

Một chiều lạnh

Tên sản phẩm	Dàn lạnh		50	60	71	100	125	140	100	125	140				
	Dàn nóng		RZR50MVMV	RZR60MVMV	RZR71MVMV	RZR100MVM	RZR125MVM	RZR140MVM	RZR100MYM	RZR125MYM	RZR140MYM				
Nguồn điện	Dàn nóng		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz						3 Pha, 380-415 V, 50 Hz						
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	Btu/h	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)				
			17,100 (7,900-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,600)				
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.27	1.84	2.58	3.28	4.62	5.89	3.28	4.62	5.89				
COP	W/W		3.94	3.26	2.75	3.05	2.71	2.38	3.05	2.71	2.38				
CSPF	Wh/Wh		5.91	4.76	4.33	4.07	4.58	4.10	4.07	4.58	4.10				
Dàn lạnh	Màu sắc	Mặt nạ trang trí													
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	Màu trắng sáng												
		cfm	18/16/14	28/25/22	28/26/24	30/28/26	28/25/22	28/26/24	30/28/26						
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	635/565/494	988/883/777	988/918/847	1,059/988/918	988/883/777	988/918/847	1,059/988/918						
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	Thiết bị	mm					mm							
	Trọng lượng máy	Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà												
		Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm					Micro channel						
		Máy nén	Loại	Swing dạng kín											
Công suất động cơ			kW	1.12	1.35	1.76	2.03			1.92					
Mức nạp môi chất làm lạnh (R-410A)		kg	1.6 (Đã nạp cho 30 m)					1.9 (Đã nạp cho 30 m)							
Độ ồn ³		Làm lạnh	dB(A)	48			54			54			54		
		Chế độ vận hành ban đêm	dB(A)	44											
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		Thiết bị	mm					mm							
Trọng lượng máy		Thiết bị	kg					kg							
		Mặt nạ trang trí	°CWB												
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5												
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9												
	Ống xả	Dàn lạnh	mm												
		Dàn nóng	mm												
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)													
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30													
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng														

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19° CWB; nhiệt độ ngoài trời 35° CDB, 24° CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.



DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

Hai chiều lạnh/sưởi

		50	60	71	100	125	140	100	125	140		
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FCQ50KAVEA	FCQ60KAVEA	FCQ71KAVEA	FCQ100KAVEA	FCQ125KAVEA	FCQ140KAVEA	FCQ100KAVEA	FCQ125KAVEA	FCQ140KAVEA		
	Dàn nóng	RZQS50AV1	RZQS60AV1	RZQ71LV1	RZQ100LV1	RZQ125LV1	RZQ140LV1	RZQ100HAY4A	RZQ125HAY4A	RZQ140HAY4A		
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz					3 Pha, 415 V, 50 Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	5.0 (3.2-5.6)	6.0 (3.2-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.6 (6.2-15.5)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.6 (6.2-15.4)		
		17,100 (10,900-19,100)	20,500 (10,900-20,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	46,400 (21,200-52,900)	46,400 (21,200-52,900)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	46,400 (21,200-52,600)	
Công suất sưởi ^{2,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	6.0 (3.5-7.0)	7.0 (3.5-8.0)	8.0 (3.5-9.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)		
		20,500 (11,900-23,900)	23,900 (11,900-27,300)	27,300 (11,900-30,700)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	54,600 (21,200-61,400)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.27	1.67	1.99	2.64	4.02	4.53	2.94	3.77	4.39		
	Sưởi ²	1.41	1.74	2.10	2.84	3.83	4.80	3.03	3.83	4.80		
COP	Làm lạnh	3.94	3.59	3.57	3.79	3.11	3.00	3.40	3.32	3.10		
	Sưởi	4.26	4.02	3.81	3.95	3.66	3.33	3.70	3.66	3.33		
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng										
	Thiết bị Mặt nạ trang trí	50x950x950										
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	21/17.5/13.5		32/26/20		33/28/22.5		32/26/20		33/28/22.5		
	Độ ồn ⁴ (Cao/Trung bình/Thấp)	74/16/18/47/7		1,130/918/706		1,165/988/794		1,130/918/706		1,165/988/794		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	256x840x840		298x840x840		298x840x840		298x840x840		298x840x840		
	Thiết bị Mặt nạ trang trí	21		24		24		24		24		
	Trọng lượng máy	2.1		2.4		2.4		2.4		2.4		
	Dải hoạt động	Làm lạnh	14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25	
	Sưởi	15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà									
Dàn tản nhiệt		Loại Ống đồng cánh nhôm										
Máy nén		Loại Scroll dạng kín										
Công suất động cơ		1.3	1.6	1.7	2.08	2.4	3.15	1.7	2.2	2.9		
Mức nạp môi chất lạnh (R-410A)		2.0 (Đã nạp cho 30 m)		2.9 (Đã nạp cho 30 m)		3.15 (Đã nạp cho 30 m)		4.2 (Đã nạp cho 30 m)		4.3 (Đã nạp cho 30 m)		
Độ ồn ⁴		Làm lạnh/Sưởi	48/50		49/51		51/53		54/56		49/51 50/52	
Vận hành vào ban đêm		44		45		47		45		46		
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		770x900x320		990x940x320		1,170x900x320		1,430x940x320		1,345x900x320		
Trọng lượng máy		64		75		98		108		108		
Dải hoạt động		Làm lạnh	-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46	
Sưởi	-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5			
Ống nối	Lông (Loe)	mm		mm		mm		mm		mm		
	Hơi (Loe)	mm		mm		mm		mm		mm		
	Ống xả	mm		mm		mm		mm		mm		
	Dàn lạnh	mm		mm		mm		mm		mm		
Dàn nóng	mm		mm		mm		mm		mm			
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		m		m		m		m			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		m		m		m		m			
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng											

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
² Công suất sưởi định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB, 15°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
³ Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
⁴ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vang âm.

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Hai chiều lạnh/sưởi

		50	60	71	100	125	140	100	125	140		
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FHQ50DAVMA	FHQ60DAVMA	FHQ71DAVMA	FHQ100DAVMA	FHQ125DAVMA	FHQ140DAVMA	FHQ100DAVMA	FHQ125DAVMA	FHQ140DAVMA		
	Dàn nóng	RZQS50AV1	RZQS60AV1	RZQ71LV1	RZQ100LV1	RZQ125LV1	RZQ140LV1	RZQ100HAY4A	RZQ125HAY4A	RZQ140HAY4A		
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz					3 Pha, 415 V, 50 Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	5.0 (3.2-5.6)	6.0 (3.2-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.2 (6.2-15.5)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.2 (6.2-15.4)		
		17,100 (10,900-19,100)	20,500 (10,900-20,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	45,000 (21,200-52,900)	45,000 (21,200-52,900)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	45,000 (21,200-52,600)	
Công suất sưởi ^{2,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	6.0 (3.5-7.0)	6.8 (3.5-8.0)	8.0 (3.5-9.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)		
		20,500 (11,900-23,900)	23,200 (11,900-27,300)	27,300 (11,900-30,700)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	54,600 (21,200-61,400)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.44	1.78	2.21	3.15	4.01	4.34	3.15	4.01	4.34		
	Sưởi ²	1.75	2.04	2.52	3.54	4.56	4.94	3.54	4.56	4.94		
COP	Làm lạnh	3.48	3.38	3.21	3.17	3.12	3.04	3.17	3.12	3.04		
	Sưởi	3.43	3.33	3.17	3.16	3.07	3.24	3.16	3.07	3.24		
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng										
	Quạt	15/12/10		20.5/17/14		28/24/20		31/27/23		34/29/24		
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	530/424/353		724/600/494		988/847/706		1,094/953/812		1,200/1,024/847		
	Độ ồn ⁴ (Cao/Trung bình/Thấp)	37/35/32		38/36/34		42/38/34		44/41/37		46/42/48		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	235x960x690		235x1,270x690		235x1,590x690		235x1,590x690		235x1,590x690		
	Trọng lượng máy	25		32		38		38		38		
	Dải hoạt động	Làm lạnh	14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25	
	Sưởi	15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà									
		Dàn tản nhiệt	Loại Ống đồng cánh nhôm									
Máy nén		Loại Scroll dạng kín										
Công suất động cơ		1.3	1.6	1.7	2.08	2.4	3.15	2.3	2.7	2.9		
Mức nạp môi chất lạnh (R-410A)		2.0 (Đã nạp cho 30 m)		2.9 (Đã nạp cho 30 m)		3.15 (Đã nạp cho 30 m)		4.2 (Đã nạp cho 30 m)		4.3 (Đã nạp cho 30 m)		
Độ ồn ⁴		Làm lạnh/Sưởi	48/50		51/53		54/56		49/51 50/52			
Vận hành vào ban đêm		44		45		47		45		46		
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		770x900x320		990x940x320		1,170x900x320		1,430x940x320		1,345x900x320		
Trọng lượng máy		64		75		98		108		108		
Dải hoạt động		Làm lạnh	-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46		-5 đến 46	
Sưởi	-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5		-15 đến 15.5			
Ống nối	Lông (Loe)	mm		mm		mm		mm		mm		
	Hơi (Loe)	mm		mm		mm		mm		mm		
	Ống xả	mm		mm		mm		mm		mm		
	Dàn lạnh	mm		mm		mm		mm		mm		
Dàn nóng	mm		mm		mm		mm		mm			
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		m		m		m		m			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		m		m		m		m			
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng											

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
² Công suất sưởi định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB, 15°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
³ Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
⁴ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vang âm.

DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH

Hai chiều lạnh/sưởi



		50	60	71	100	125	140	100	125	140		
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FBQ50EVE	FBQ60EVE	FBQ71EVE	FBQ100EVE	FBQ125EVE	FBQ140EVE	FBQ100EVE	FBQ125EVE	FBQ140EVE		
	Dàn nóng	RZQS50AV1	RZQS60AV1	RZQ71LV1	RZQ100LV1	RZQ125LV1	RZQ140LV1	RZQ100HAY4A	RZQ125HAY4A	RZQ140HAY4A		
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz					3 Pha, 415 V, 50 Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	5.0 (2.3-5.6)	5.8 (3.2-6.0)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.0 (5.7-14.0)	13.0 (6.2-15.5)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.1 (6.2-15.4)		
		17,100 (10,900-19,100)	19,800 (10,900-20,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	46,100 (21,200-52,900)	46,100 (21,200-52,900)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	46,100 (21,200-52,600)	
Công suất sưởi ^{2,3} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW Btu/h	6.0 (3.5-7.0)	7.0 (3.5-8.0)	8.0 (3.5-9.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)		
		20,500 (11,900-23,900)	23,900 (11,900-27,300)	27,300 (11,900-30,700)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	54,600 (21,200-61,400)	38,200 (17,400-43,700)	47,800 (20,500-55,300)	54,600 (21,200-61,400)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.35	1.59	2.03	2.85	3.86	4.33	3.17	3.97	4.16		
	Sưởi ²	1.43	1.83	2.10	2.84	3.83	4.80	3.15	3.95	4.68		
COP	Làm lạnh	3.70	3.65	3.50	3.51	3.11	3.00	3.15	3.15	3.15		
	Sưởi	4.20	3.83	3.81	3.95	3.66	3.33	3.56	3.54	3.42		
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng										
	Quạt	18/15/12.5		23/19.5/16		32/27/22.5		36/30.5/25		32/27/22.5		
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	635/530/441		812/688/565		1,130/953/794		1,271/1,077/883		1,130/953/794		
	Độ ồn ⁴ (Cao/Trung bình/Thấp)	35/33/31		38/35/33		38/35.5/33		40/37.5/35		38/35.5/33		
	Thiết bị Mặt nạ trang trí	245x1,000x800		245x1,000x800		245x1,000x800		245x1,000x800		245x1,000x800		
	Trọng lượng máy	37		47		47		47		47		
	Dải hoạt động	Làm lạnh	14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25		14 đến 25	
	Sưởi	15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		15 đến 27		
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà									
		Dàn tản nhiệt	Loại Ống đồng cánh nhôm									
Máy nén		Loại Scroll dạng kín										
Công suất động cơ		1.3	1.6	1.7	2.08	2.4	3.15	1.9	2.4	2.9		
Mức nạp môi chất lạnh (R-410A)		2										

Dàn lạnh

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

Loại phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FCQ50KAWEA	FCQ60KAWEA	FCQ71KAWEA	FCQ100KAWEA	FCQ125KAWEA	FCQ140KAWEA
Mặt nạ trang trí		BYCP125K-W1					
Tấm chắn miếng gió		KDBH55K160F					
Miếng đệm mặt nạ		KDBP55H160FA					
Bộ nạp gió tươi ¹	Loại có buồng	Không ống nối chữ T	KDDP55B160				
		Có ống nối chữ T	KDDP55B160K				
	Loại lắp trực tiếp		KDDP55X160				
Phin lọc hiệu suất cao (có buồng lọc)	(Phương pháp đo màu 65%)	KAFP556B80		KAFP556B160			
	(Phương pháp đo màu 90%)	KAFP557B80		KAFP557B160			
Phin lọc hiệu suất cao có thể thay thế được	(Phương pháp đo màu 65%)	KAFP552B80		KAFP552B160			
	(Phương pháp đo màu 90%)	KAFP553B80		KAFP553B160			
Buồng lọc		KDDFP55B160					
Phin lọc có độ bền cao có thể thay thế được		KAFP551K160					
Phin lọc siêu bền (có buồng lọc)		KAFP55B160					
Phin lọc siêu bền có thể thay thế được		KAFP55H160H					
Buồng ống gió nhánh		KDJP55B80		KDJP55B160			
Bộ kết nối buồng ²		KKSJ55KA160					
Bộ cách nhiệt khi độ ẩm cao		KDTP55K80					
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7F635F				
		Hai chiều lạnh/sưởi	BRC7F634F				
Điều khiển từ xa	Loại có dây ³		BRC1C61				
	Loại có dây ³		BRC1E62				
Điều khiển trung tâm từ xa ⁴		DCS302CA61					
Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ⁴		DCS301BA61					
Thiết bị lập trình thời gian ⁴		DST301BA61					
Điều khiển cảm ứng thông minh ⁴		DCS601C51					
Bộ tiếp hợp nối dây ⁵		KRP1C63					
Bộ tiếp hợp nối dây cho các thiết bị điện(2) ⁵		KRP4AA53					
Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB		KRP1H98					
Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ trong phòng)		KRCS01-4B					

Lưu ý: ¹ Xem chi tiết ở trang 20.
² Cần thiết để lắp đặt phin lọc hiệu suất cao và phin lọc siêu bền.
³ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.
⁴ Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
⁵ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1H98) cần có.

Loại thổi đa hướng: Danh mục các bộ phận tùy chọn cần cho các kiểu thổi gió khác nhau.

Đối với mỗi kiểu thổi gió - thổi đa hướng, 4 hướng, 3 hướng, 2 hướng, nối ống nhánh thì sự tương thích của mỗi bộ phận lắp đặt độc lập (thể hiện ở cột bên trái) đối với phụ kiện tùy chọn (liệt kê theo hàng ngang của mỗi bảng) được thể hiện trong ô giao giữa dòng và cột tương ứng. Vòng tròn biểu thị sự tương thích và dấu X biểu thị sự không tương thích. Bất kỳ tùy chọn nào không được thể hiện bên dưới sẽ không phù hợp để lắp đặt độc lập hoặc kèm phụ kiện.

Thổi đa hướng Thổi 4 hướng

Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Miếng đệm mặt nạ ¹	Điều khiển từ xa không dây	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²
Điều khiển vận hành liên quan	Điều khiển từ xa không dây	○	○	○	○	○	○	○
Chức năng phụ trợ liên quan	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	○	○	○	X	○	○	○
	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	○	○	X	○	○	○	○
	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	X	○	X	○	○	X	X
Phin lọc liên quan	Bộ lọc hiệu suất cao ²	○	○	○	○	X	○	X
	Bộ lọc độ bền cao ²	○	○	○	○	X	X	○

Thổi 3 hướng Thổi 2 hướng

Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Miếng đệm mặt nạ ¹	Điều khiển từ xa không dây	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²
Điều khiển vận hành liên quan	Điều khiển từ xa không dây	○ ³	○	○	○	○	○	○
Chức năng phụ trợ liên quan	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	○ ³	○	○	X	X	X	○
	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	○ ³	○	X	○	○	X	○
	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	X	○	X	○	○	X	X
Phin lọc liên quan	Bộ lọc độ bền cao ²	○ ³	○	○	○	X	X	○

Nối ống gió nhánh

Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Miếng đệm mặt nạ ¹	Điều khiển từ xa không dây	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²
	Nhánh 2 hướng/dàn thổi 2 hướng	X	○	○	○ ⁴	X	X	○
	Nhánh 1 hướng/dàn thổi 2 hướng	X	○	○	○ ⁴	X	X	○

¹ Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào cách dẫn được gắn trên trần mà việc sử dụng các ống gió nhánh và bộ nạp gió sạch có thể thực hiện được hoặc không. Trước khi lắp đặt người dùng phải đảm bảo đã kiểm tra việc lắp mỗi nối có khả thi không. Cụ thể phải đảm bảo vị trí bị đẩy xuống thấp hơn do bộ sung các miếng đệm mặt nạ là chấp nhận được.
² Sử dụng bộ dụng cụ nối buồng lọc nếu hai loại buồng tùy chọn được sử dụng cùng lúc. Trong trường hợp này, bộ nạp khí sạch phải được lắp ở phía trên.
³ Không thể sử dụng miếng đệm mặt nạ trong trường hợp lắp đặt thổi 2 hướng.
⁴ Không thể lắp ống gió nahaanh1 cùng phía với bộ nạp khí sạch (gắn trực tiếp) khi lắp đặt.

Dàn lạnh

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FHQ50DAVMA	FHQ60DAVMA	FHQ71DAVMA	FHQ100DAVMA	FHQ125DAVMA	FHQ140DAVMA
Phin lọc độ bền cao có thể thay thế	Lưới nhựa	KAFP501A56		KAFP501A80		KAFP501A160	
Bộ nạp gió tươi		KDDQ50A140					
Bơm nước xả		KDU50P140VE					
Dụng cụ nối ống chữ L (hướng lên trên)		KHFP5N160					
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Hai chiều lạnh/sưởi	Mặt nạ			Hai chiều lạnh/sưởi	
			Loại có dây ¹			Loại có dây ¹	
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹	BRC1C61					
Điều khiển trung tâm từ xa		BRC1E62					
Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất		DCS302CA61					
Thiết bị lập trình thời gian		DCS301BA61					
Điều khiển cảm ứng thông minh ²		DST301BA61					
Bộ tiếp hợp cho các phụ kiện điện		DCS601C51					
Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện ³		KRP1BA54					
Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB		KRP4AA52					
Tấm đỡ bộ tiếp hợp		KKSAP50A56					
Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ trong phòng)		KRCS01-4B					
Hộp điện có đầu tiếp đất (3 cụm)		KJB311AA					
Hộp điện có đầu tiếp đất (2 cụm)		KJB212AA					

Lưu ý: ¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.
² Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
³ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1D93A) cần có.

DÀN LẠNH NỐI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH

Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FBQ50EVE	FBQ60EVE	FBQ71EVE	FBQ100EVE	FBQ125EVE	FBQ140EVE
Phin lọc hiệu suất cao ¹	65%	KAFP632B80		KAFP632B160			
	90%	KAFP633B80		KAFP633B160			
Buồng lọc (sử dụng khi hút gió phía sau) ¹		KDDFP63B80		KDDFP63B160			
Phin lọc có độ bền cao ¹		KAFP631B80		KAFP631B160			
Mặt nạ bảo trì	Trắng	KTBJ25K80W		KTBJ25K160W			
	Trắng sáng	KTBJ25K80F		KTBJ25K160F			
	Nâu	KTBJ25K80T		KTBJ25K160T			
Bộ tiếp hợp xả khí		KDAP25A71A		KDAP25A140A			
Tấm chắn mặt bên		KDBD63A160					
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66				
		Hai chiều lạnh/sưởi	BRC4C65				
Điều khiển từ xa	Loại có dây ²		BRC1C61				
	Loại có dây ²		BRC1E62				
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ²	KRP1C64*					
Bộ tiếp hợp nối dây dẫn		KRP4AA51*					
Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện(2)		KRCS01-4B					
Cảm biến nhiệt từ xa		KRP4A98					
Tấm đỡ bộ tiếp hợp PCB ^{3,4,5}		DCS302CA61					
Điều khiển trung tâm từ xa ⁶		DCS301BA61					
Điều khiển vận hành bật tắt đồng nhất ⁶		DST301BA61					
Bộ lập trình thời gian ⁶		DCS601C51					
Điều khiển cảm ứng thông minh ⁶							

Lưu ý: ¹ Nếu lắp phin lọc hiệu suất cao và phin lọc độ bền cao vào dàn lạnh thì cần có buồng lọc.
² Dây dẫn cho điều khiển từ xa có thể mua tại địa phương.
³ Tấm đỡ cần thiết đối với mỗi loại bộ tiếp hợp có đánh dấu ★.
⁴ Có thể cố định 2 bộ tiếp hợp trên một tấm đỡ.
⁵ Chỉ có thể lắp một tấm đỡ cho mỗi dàn lạnh.
⁶ Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dùng cho dòng SkyAir. Tuy nhiên phụ kiện này không cần thiết.

DÀN LẠNH TỰ ĐỨNG ĐẶT SÀN

Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FVQ50CVE	FVQ60CVE	FVQ71CVEB	FVQ100CVEB	FVQ125CVEB	FVQ140CVEB
Phin lọc độ bền cao có thể thay thế được		KAFJ95L160					
Điều khiển từ xa	Loại có dây ¹	BRC1C61					
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹	BRC1E62					
Điều khiển trung tâm từ xa ²		DCS302CA61					
Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ²		DCS301BA61					
Bộ lập trình thời gian ²		DST301BA61					
Điều khiển cảm ứng thông minh ²		DCS601C51					
Bộ tiếp hợp nối dây dẫn ³		KRP1BA57					
Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện.		KRP4AA52					
Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB		KRP4AA95					

Lưu ý: ¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.
² Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
³ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1D93A) cần có.

Dàn nóng

Tên phụ kiện	Tên dụng cụ			
	Một chiều lạnh			
	RZR50MVMV	RZR100MVM	RZR100MYM	
	RZR60MVMV	RZR125MVM	RZR125MYM	
Nút xả nước trung tâm	KKP014A4	KKPJ5G280		
Tấm cố định để chống đổ dàn		KKTP5B112		
Dây cố định để chống đổ dàn				
Bộ tiếp hợp		KRP58M51+EKMKA1	KRP58M51	

Tên phụ kiện	Tên dụng cụ			
	Hai chiều lạnh/sưởi			
	RZQS50AV1	RZQ100LV1	RZQ125LV1	
	RZQ125LV1	RZQ140LV1		
	RZQ71LV1			
	RZQ100HAY4A			
	RZQ125HAY4A			
Nút xả nước trung tâm	KKPJ5F180	KKPJ5G280		
Tấm cố định để chống đổ dàn	KPT-60B160	KKTP5B112		
Dây cố định để chống đổ dàn		K-KYZP15C		
Bộ tiếp hợp		KRP58M51		

Tái sử dụng đường ống hiện hữu: Bảng kích thước đường ống môi chất lạnh **Một chiều lạnh**

Dàn nóng	Kịch thước ống hiện hữu (Lông/Hơi)	Tình trạng								Chênh lệch chiều dài	Áp suất thiết kế (Cao áp)
		6.4 / 9.5	6.4 / 12.7	6.4 / 15.9	9.5 / 12.7	9.5 / 15.9	9.5 / 19.1	12.7 / 15.9	12.7 / 19.1		
Dòng RZR-M	9.5 / 15.9	×	■	■	●	○	△	△	×	Max. 30m	4.0MPa
		—	10m	10m	50m	50m	25m	25m	—		
		—	10m	10m	30m	30m	15m	15m	—		

- Kích thước ống tiêu chuẩn
- Cùng tình trạng với ống tiêu chuẩn
- △ Chiều dài ống và chiều dài ống nạp sẵn môi chất lạnh được rút ngắn
- Công suất làm lạnh giảm (chú ý đến chiều dài ống)
- ×

▪ Vệ sinh đường ống nếu chiều dài đường ống nạp sẵn môi chất lạnh vượt giới hạn thu hồi môi chất lạnh của đường ống xả hiện hữu.

LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN

Lưu ý:

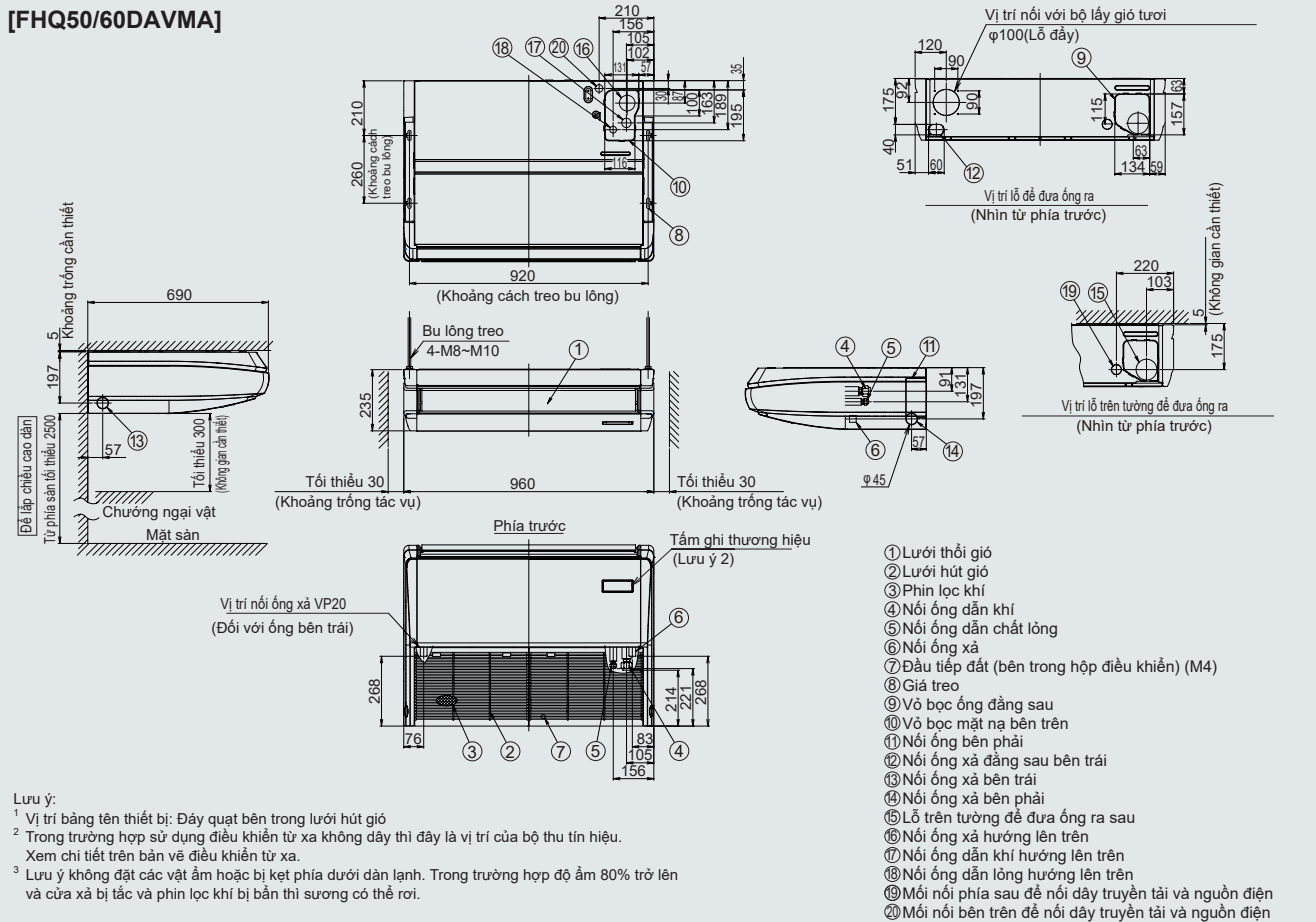
- Vị trí dán nhãn sản xuất
- Cho dàn lạnh: Hộp công tắc bên trong bề mặt lưới hút gió
- Cho mặt nạ trang trí: Cấu trúc mặt nạ bên trong bề mặt lưới hút gió
- Trong trường hợp sử dụng điều khiển từ xa không dây thì dây sẽ là vị trí của bộ phận thu tín hiệu. Xem chi tiết trên bản vẽ điều khiển từ xa.
- Khi nhiệt độ và độ ẩm vượt quá 30 độ C và RH 80% hoặc khi gió sạch đi lên trần hoặc thiết bị hoạt động liên tục trong 24 giờ thì cần bọc thêm lớp cách nhiệt (làm bằng nhựa P.E hoặc sợi thủy tinh dày 10mm trở lên).
- Dù có thể lắp đặt với cửa trần vuông có cạnh dài tối đa 910 mm, lưu ý giữ khoảng cách 35mm giữa dàn lạnh và cửa trần để đảm bảo mặt nạ kín.
- Lưu ý không đặt các vật ẩm hoặc bị kẹt phía dưới dàn lạnh. Trong trường hợp độ ẩm 80% trở lên và cửa xả bị tắc và phin lọc khí bị bẩn thì sương có thể rơi.

Chú ý:

- Không gian yêu cầu tối thiểu 200mm
- Tối thiểu 1500mm
- Tối thiểu 1500mm
- Tối thiểu 200mm
- Tối thiểu 1500mm
- ※Khoảng trống cần thiết tối thiểu 500mm khi cửa thoát khí bị chặn. Ngoài ra khi khu vực các góc bị chặn (cả bên trái và bên phải miệng gió đóng), khoảng trống cần thiết tối thiểu là 200m.

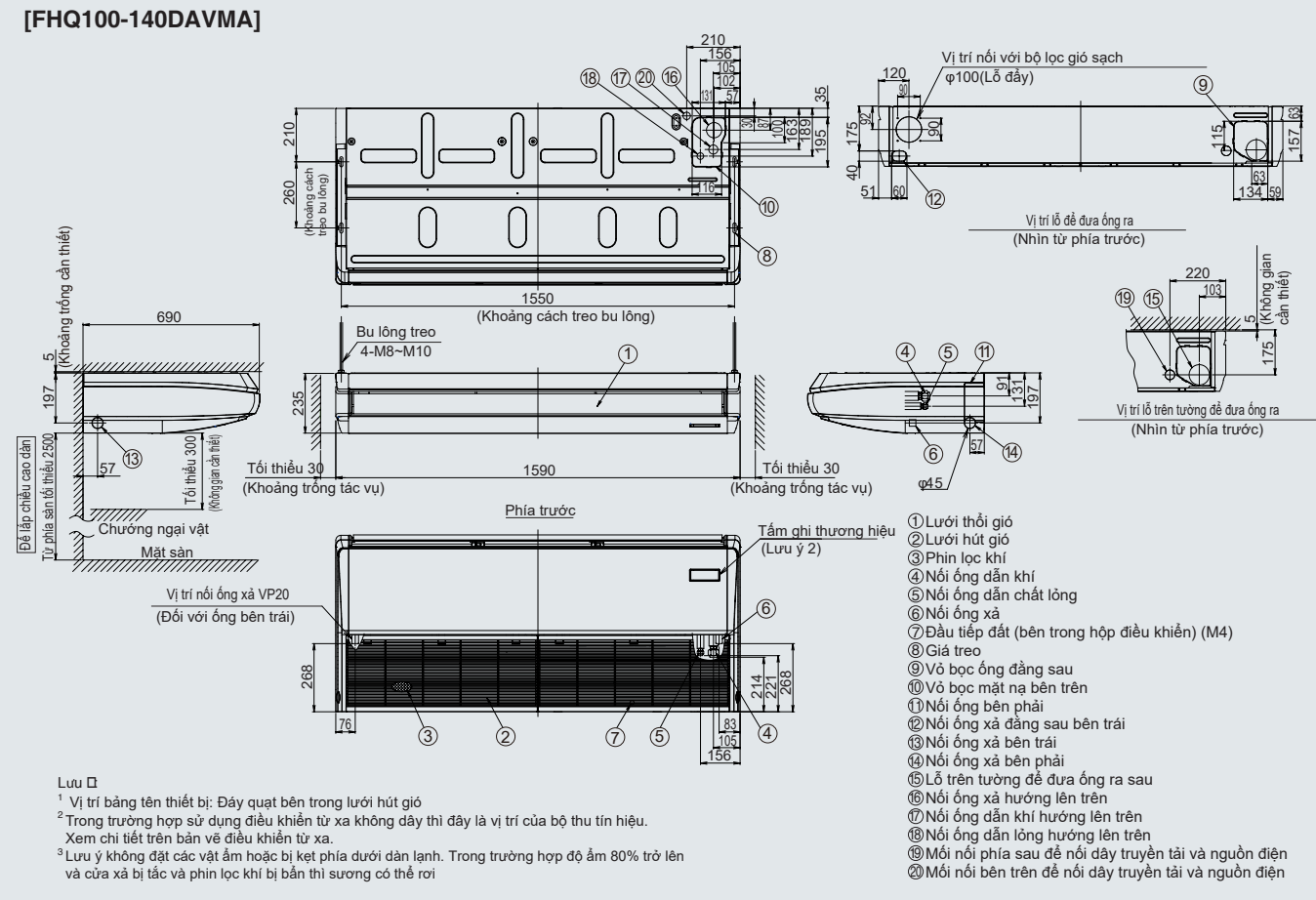
DÀN LẠNH ÁP TRẦN

[FHQ50/60DAVMA]



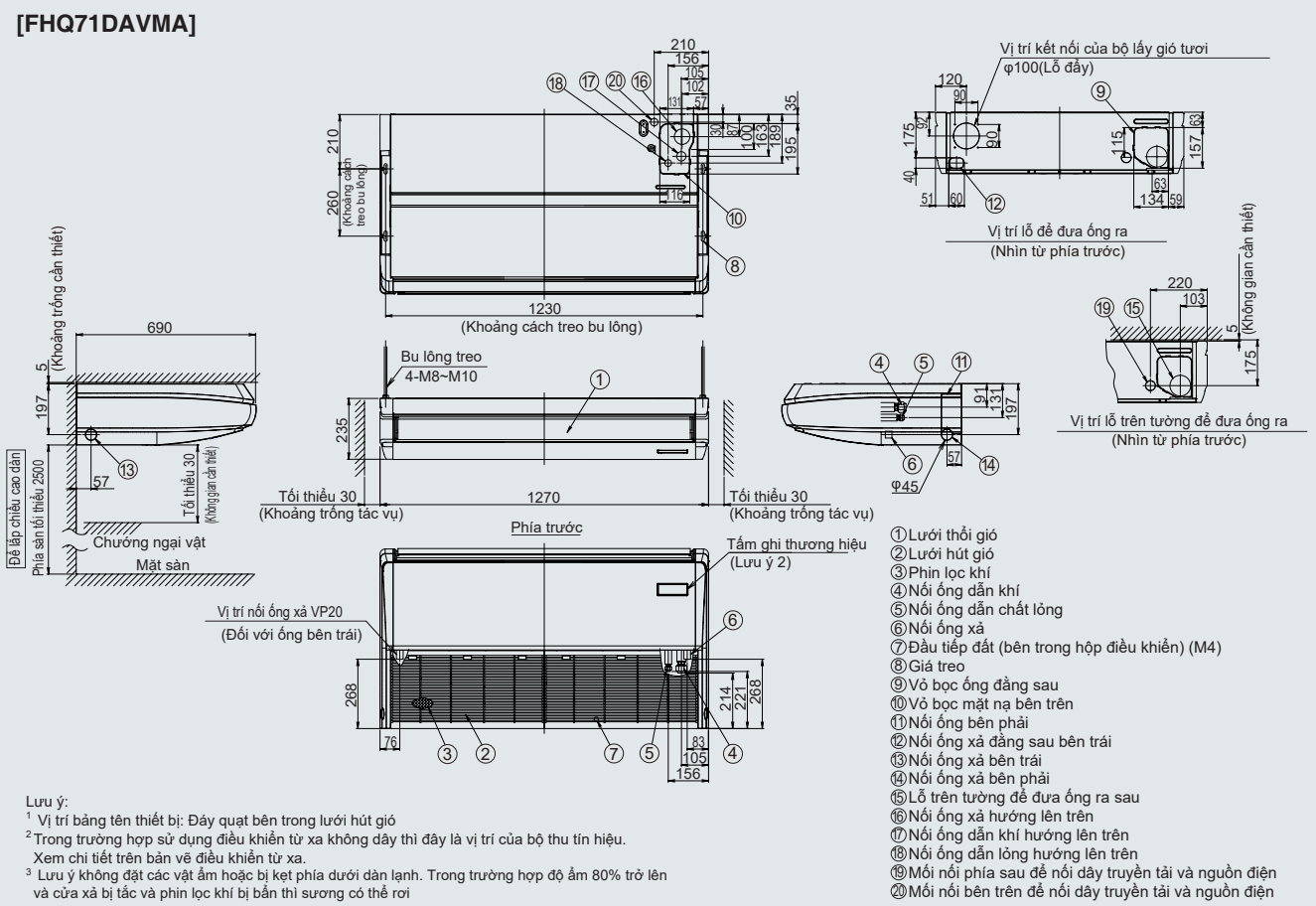
DÀN LẠNH ÁP TRẦN

[FHQ100-140DAVMA]

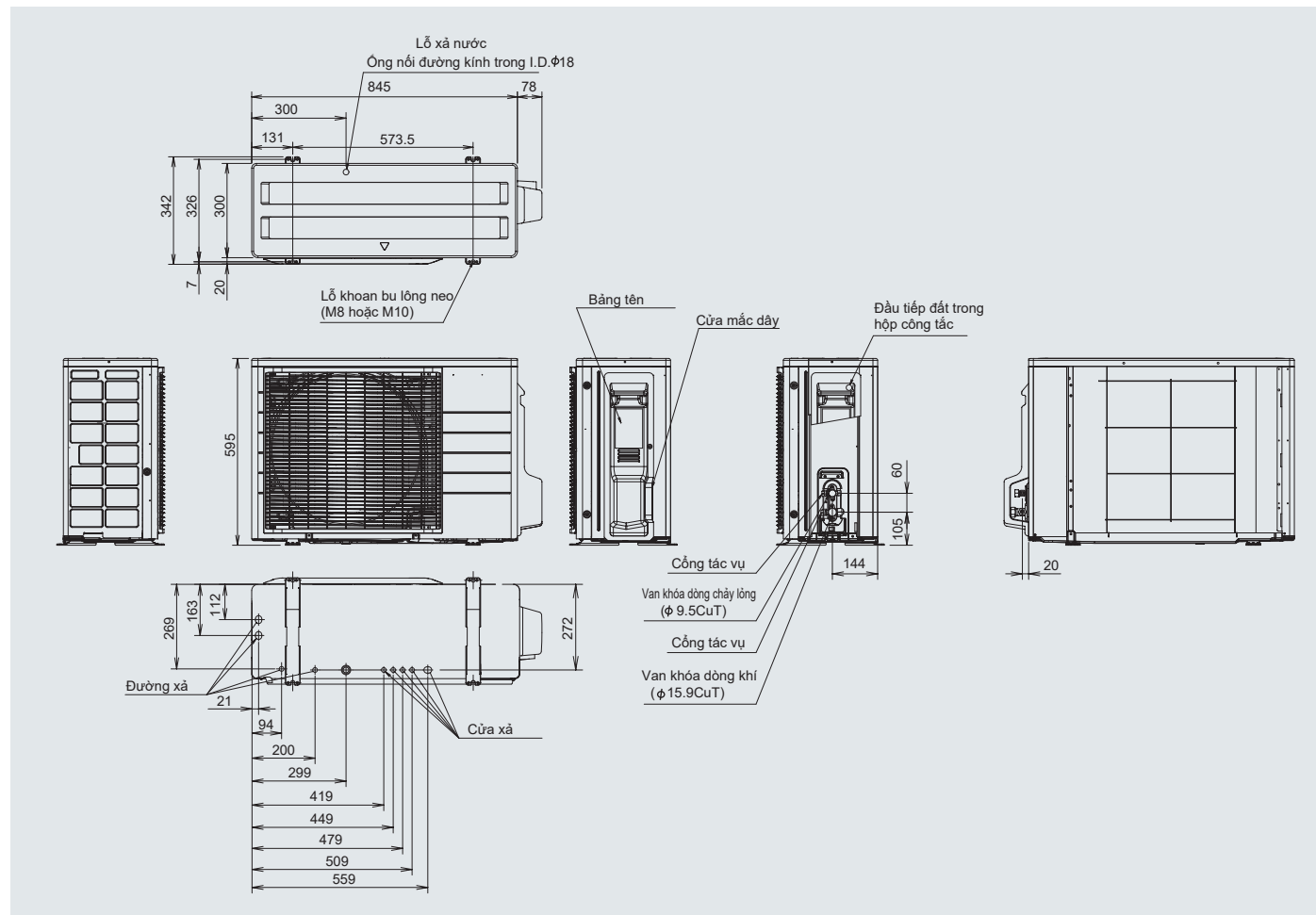


DÀN LẠNH ÁP TRẦN

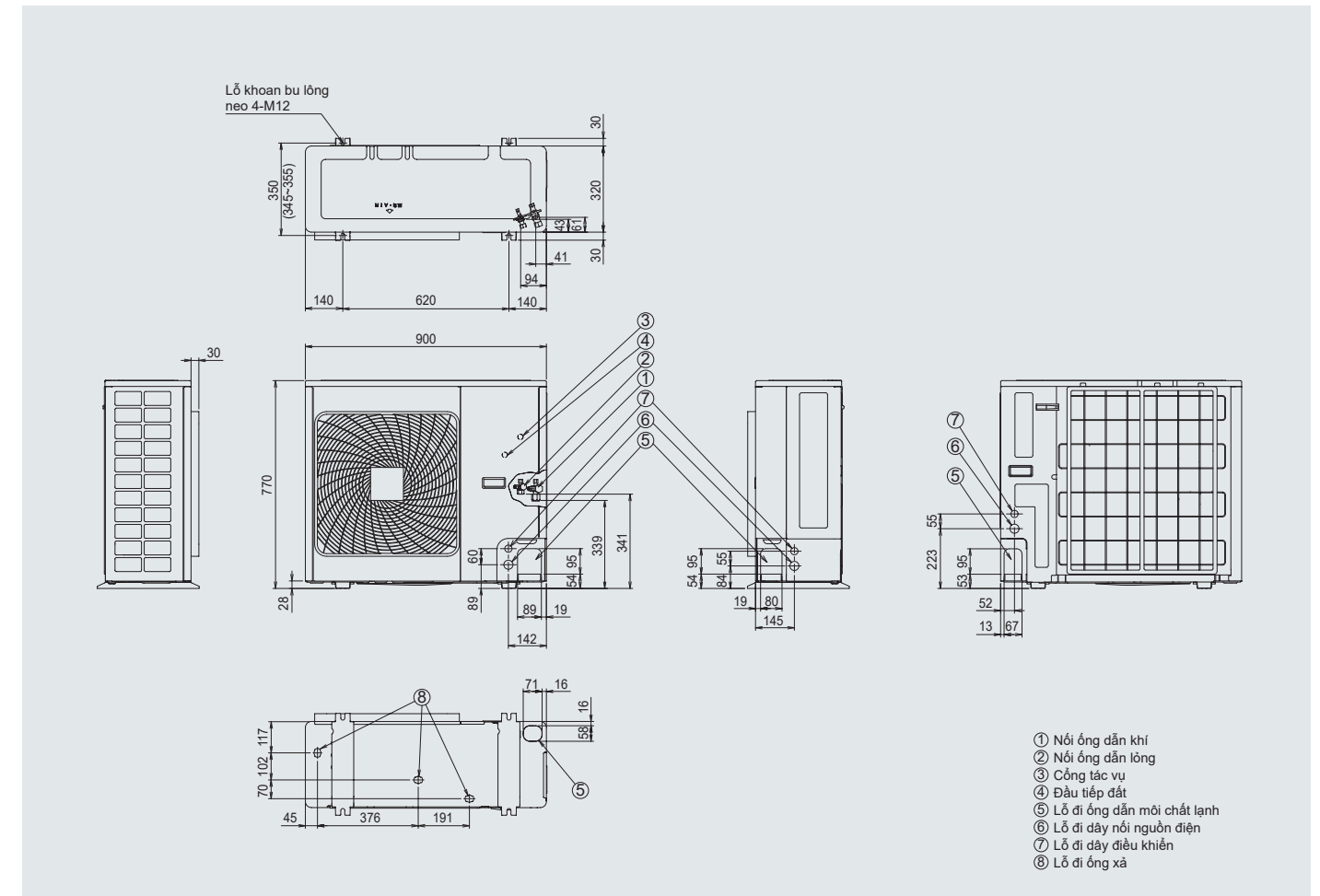
[FHQ71DAVMA]



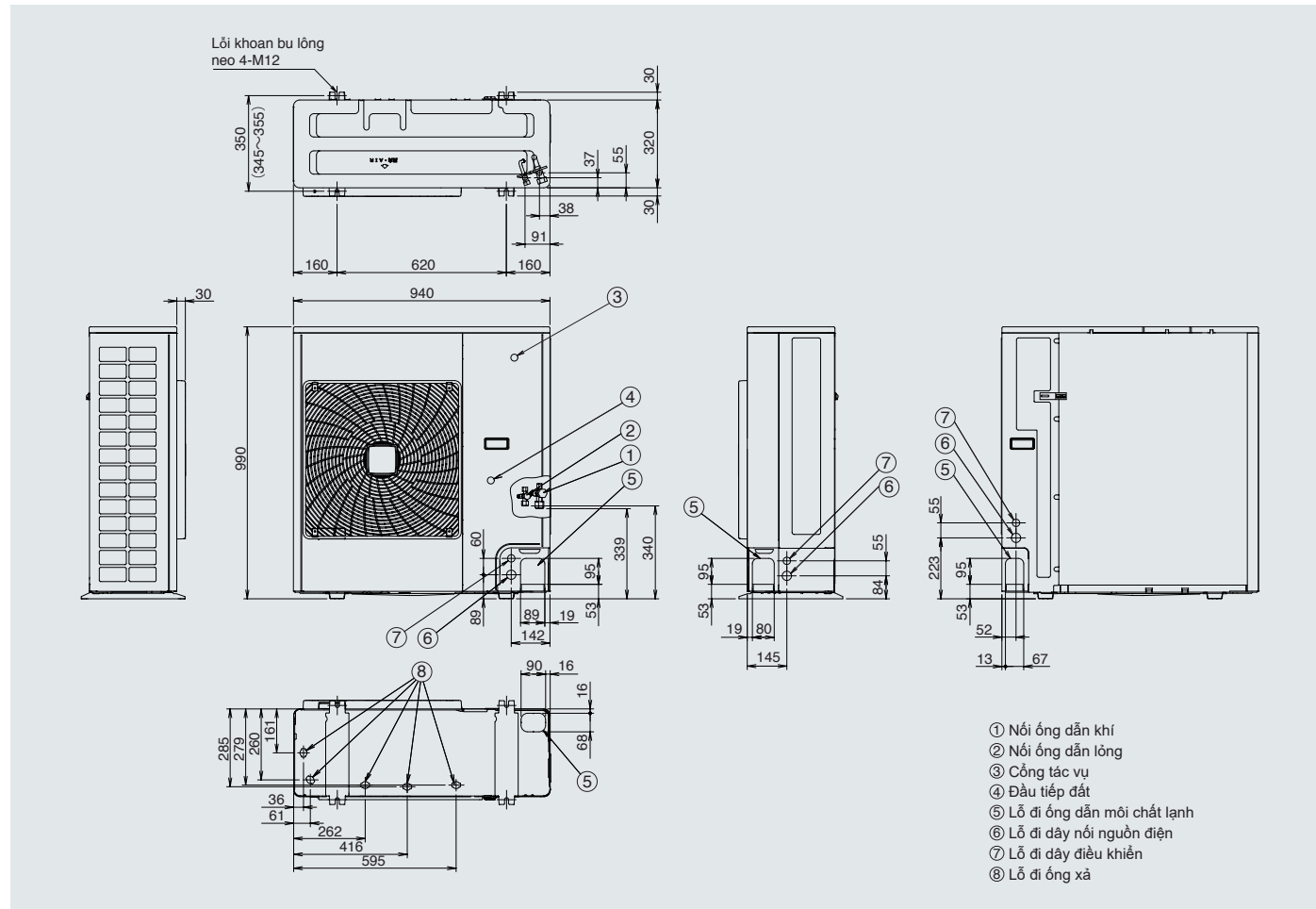
DÀN NÓNG // RZR50/60/71MVM



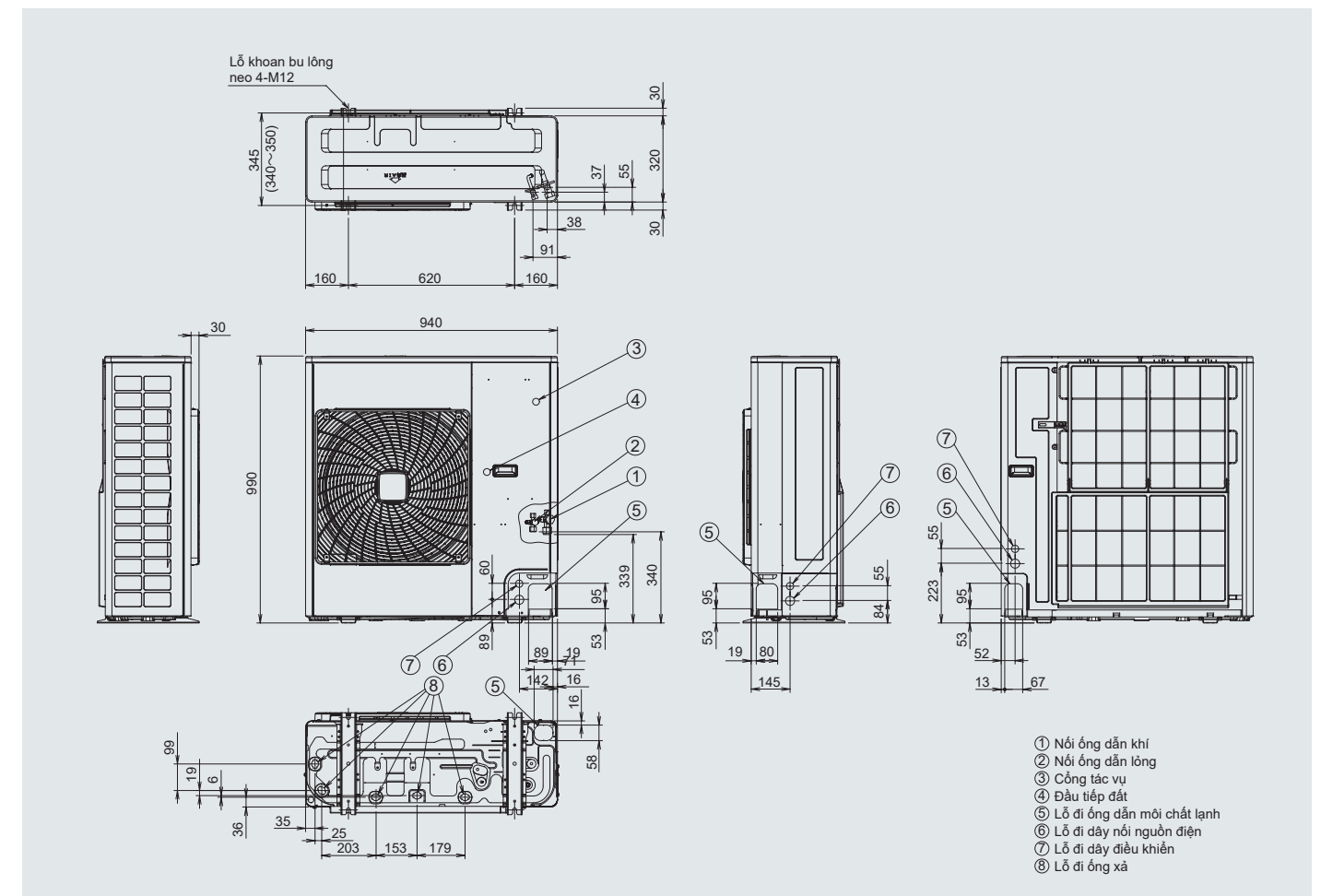
DÀN NÓNG // RZQS50/60AV1, RZQ71LV1



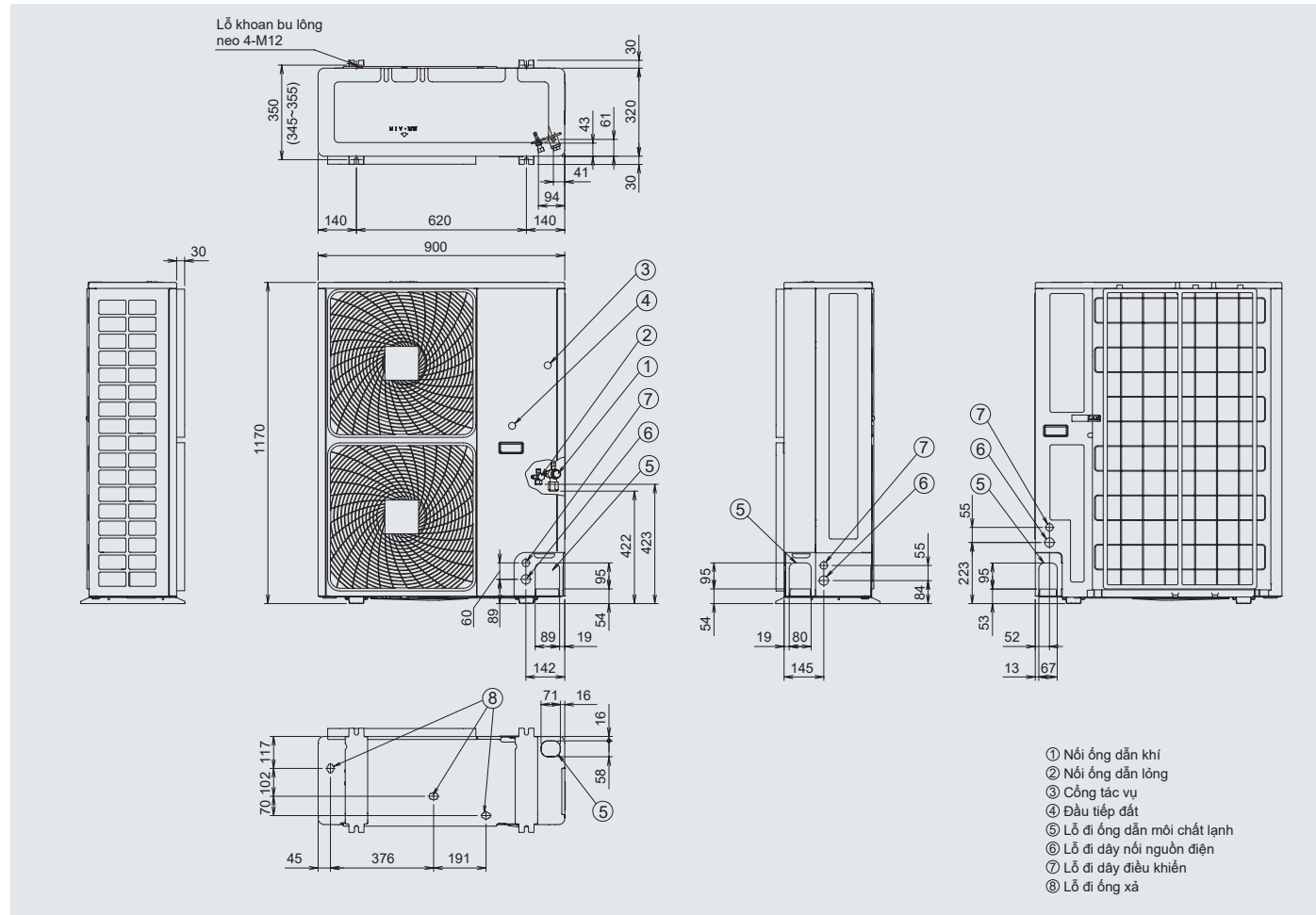
DÀN NÓNG // RZR100/125/140MVM / MYM



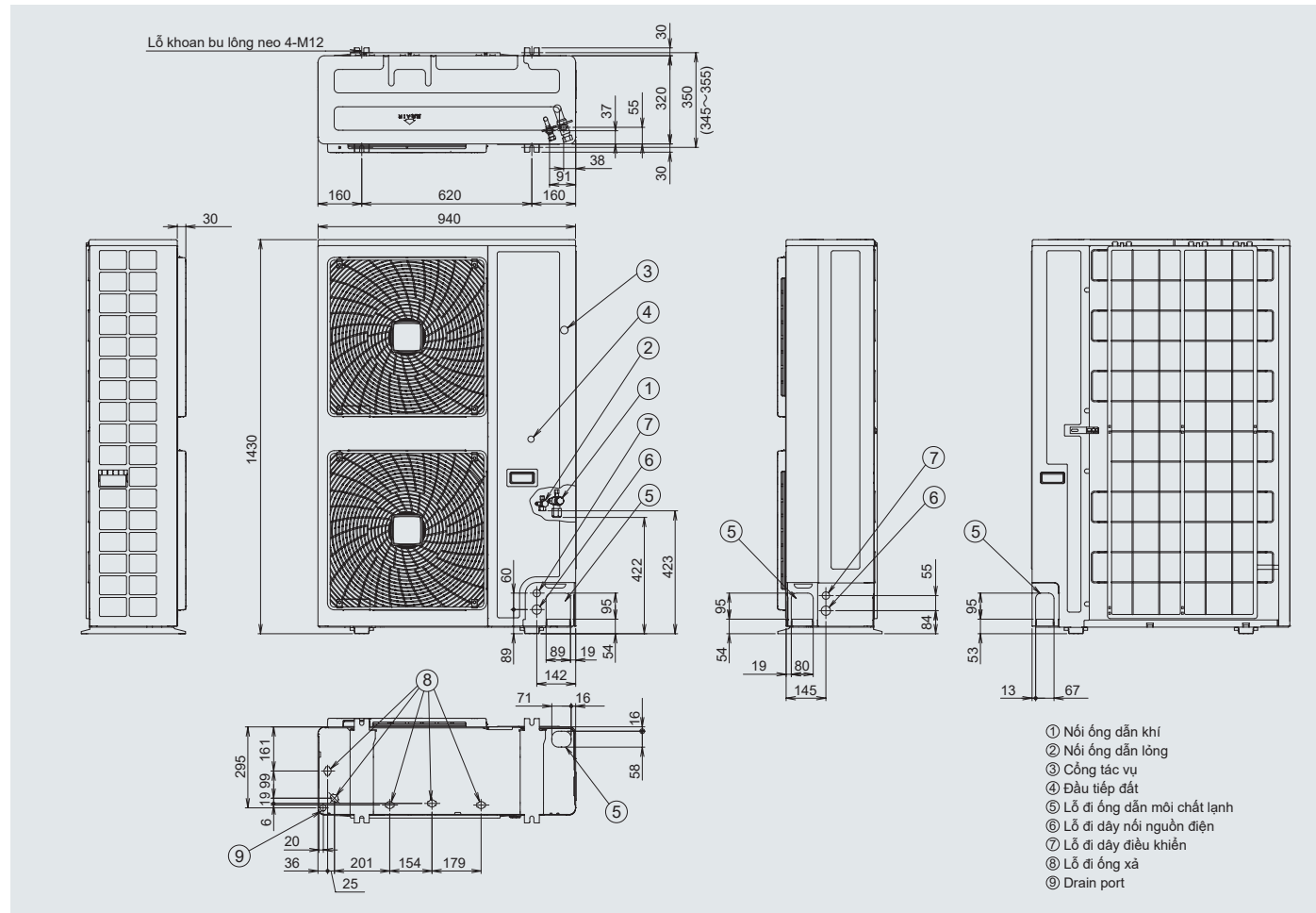
DÀN NÓNG // RZQ100LV1



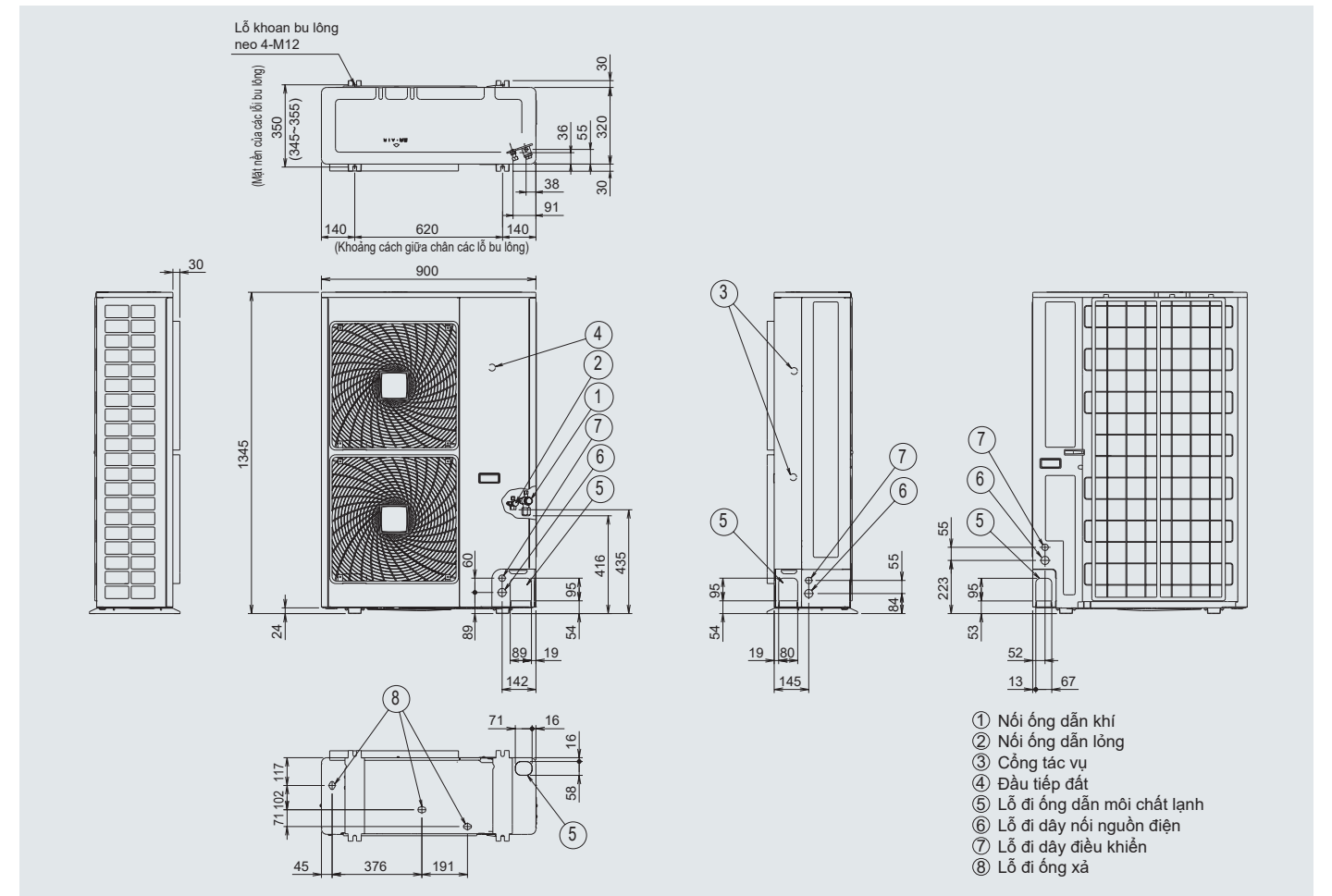
DÀN NÓNG // RZQ125LV1



DÀN NÓNG // RZQ140LV1



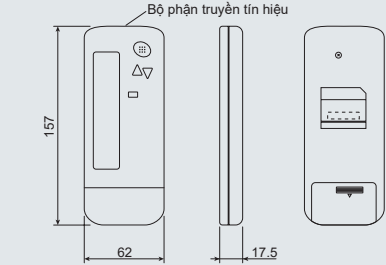
DÀN NÓNG // RZQ100/125/140HAY4A



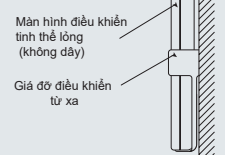
ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

«Loại không dây»

Kích thước điều khiển từ xa

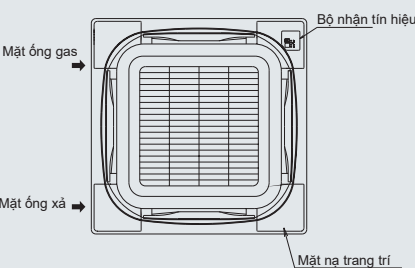


Giá đỡ điều khiển từ xa
Quy trình lắp đặt
<Lắp điều khiển lên tường>

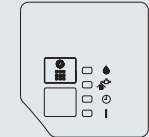


LOẠI CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi đa hướng>

• Quy trình lắp đặt bộ nhận tín hiệu

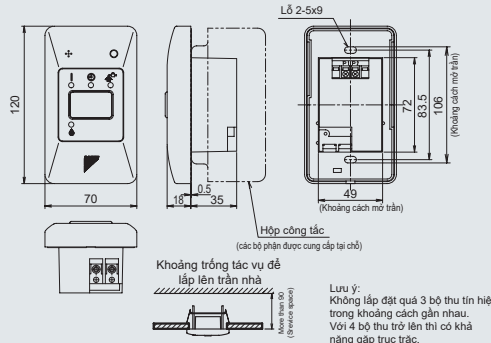


• Chi tiết bộ nhận tín hiệu



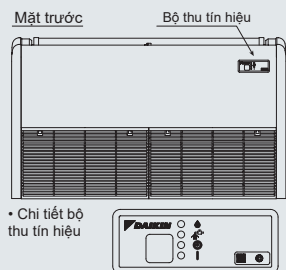
DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH

• Chi tiết bộ thu tín hiệu



DÀN LẠNH ÁP TRẦN

• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu

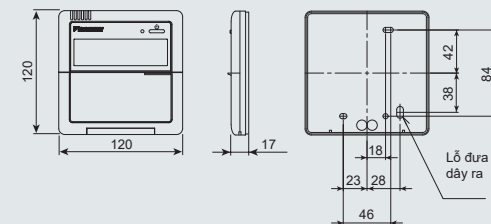


• Chi tiết bộ thu tín hiệu

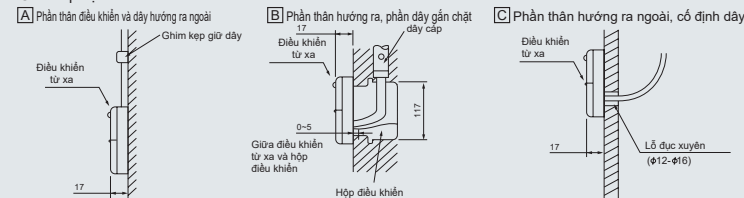


«Loại điều khiển có dây» • Kích thước điều khiển từ xa

BRC1C61



• Cách lắp đặt

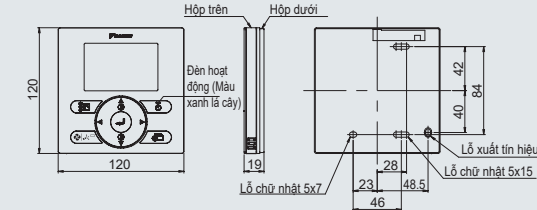


Thông số dây nối điều khiển

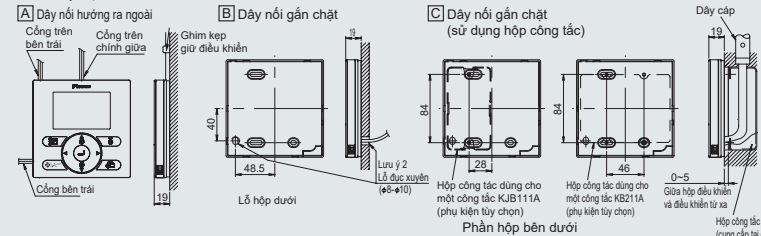
Loại	Dây được bọc bảo vệ (lớp cách điện dây 1 mm trở lên)
Kích thước	0.75-1.25 mm ²
Tổng chiều dài	500 m

Lưu ý:
1. Dây nối điều khiển từ xa và ghim kẹp giữ điều khiển không dính kèm. Các bộ phận này được cung cấp tại chỗ.

BRC1E62



• Cách lắp đặt



Thông số dây nối điều khiển

Loại	Dây vinyl có vỏ bọc ngoài hoặc dây cáp (bọc cách điện dây 1mm trở lên)
Kích thước	0.75-1.25 mm ²
Tổng chiều dài	500 m

Lưu ý:
1. Dây nối điều khiển từ xa và ghim kẹp giữ điều khiển không dính kèm. Các bộ phận này được cung cấp tại chỗ.
2. Nếu lỗ có kích thước quá lớn hoặc vị trí lắp không phù hợp thì điều khiển có thể rơi ra ngoài.

■ Dành cho các dòng RZR50-140MVM (V), RZR100-140MYM, RZQ/RZQS

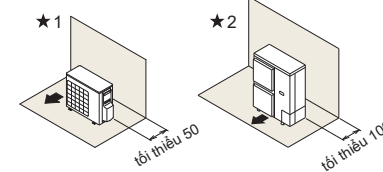
★ 1. RZR50/60/71MVMV ★ 2. RZR100-140MVM/MYM, RZQ/RZQS series

1 Khi có chướng ngại ở phía lối vào

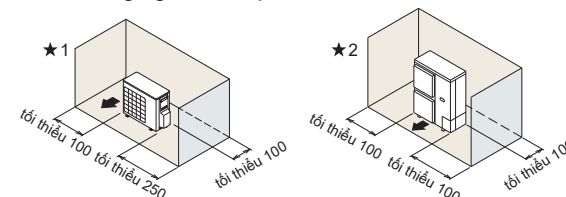
1) Khi có khoảng không mở phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

Khi chỉ có một chướng ngại ở phía lối vào

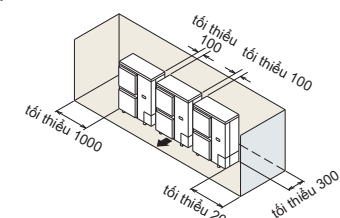


Khi có chướng ngại cả hai phía



2. Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)

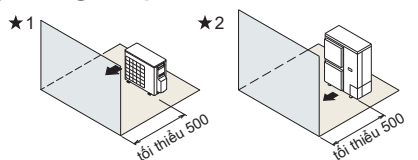
Khi có chướng ngại cả hai phía



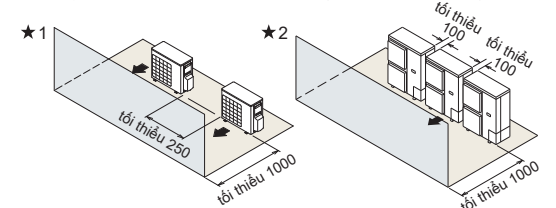
2 Khi có chướng ngại ở phía lối ra

1) Khi có khoảng không mở phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn



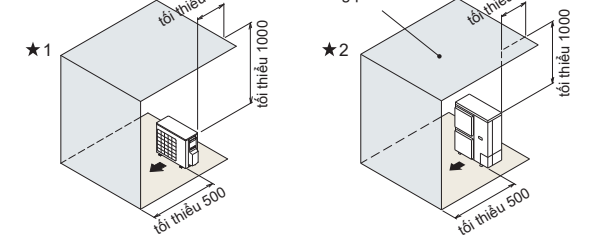
2. Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)



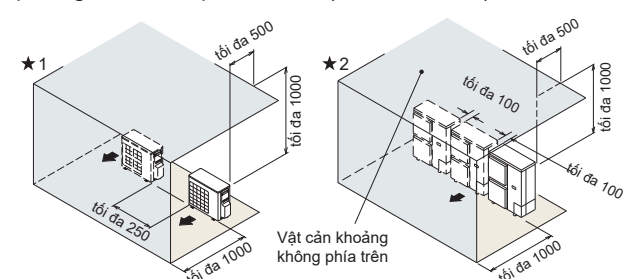
2) Khi có vật cản khoảng không phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

Vật cản khoảng không phía trên



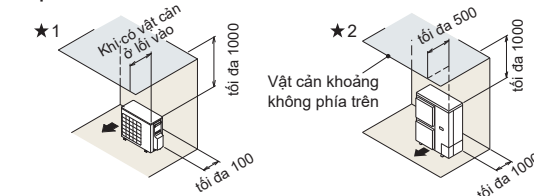
Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)



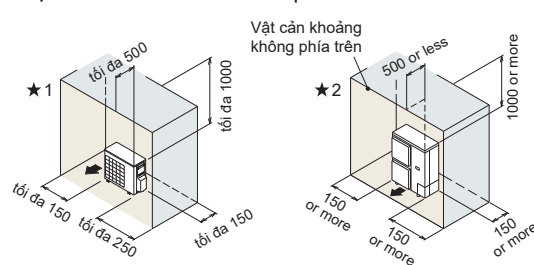
2) Khi có vật cản khoảng không phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

Khi có vật cản ở lối vào

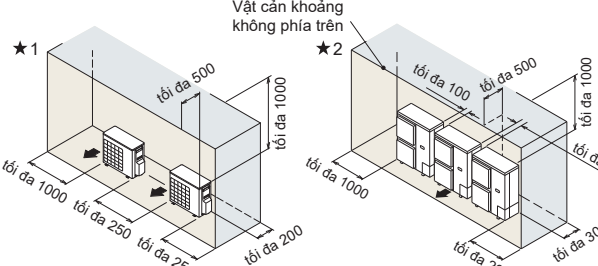


Khi có vật cản ở lối vào và cả hai phía



2. Áp dụng cho việc lắp đặt nhiều dàn (hai dàn trở lên)

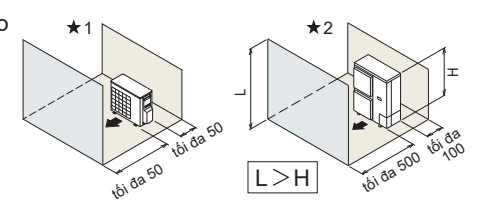
Khi có vật cản ở lối vào và cả hai phía



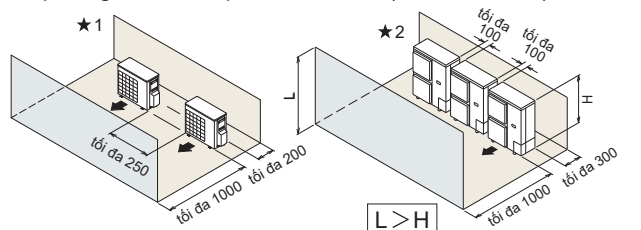
3) Khi có vật cản ở lối vào và cả hai phía (Khi vật cản ở lối ra cao hơn dàn)

1) Khi khoảng không mở phía trên (Không có giới hạn chiều cao vật cản ở lối ra)

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn



2. Áp dụng cho việc lắp đặt nhiều dàn (hai dàn trở lên)



Lưu ý: Đối với các cách lắp đặt khác, xin xem sổ tay hướng dẫn lắp đặt hoặc cảm nang kỹ thuật.